

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 2868 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 22 tháng 11 năm 2021



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (lần 10)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 18/7/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2920/TTr-LĐTBXH ngày 10/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách (kèm theo Phụ lục 04 danh sách hỗ trợ người lao động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập tại Tờ trình số 2920/TTr-



LĐTBXH ngày 10/11/2021) và kinh phí hỗ trợ cho người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Phú Quốc (lần 10), cụ thể như sau:

STT	Loại đối tượng	Số lượng	Số tiền/người, hộ kinh doanh	Thành tiền
1	Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (chính sách số 4 – mức 1.855.000 đồng/người hoặc 3.710.000 đồng/người). Trong đó:	447		1.649.095.000
	- Tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng	5	1.855.000	9.275.000
	- Tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên	442	3.710.000	1.639.820.000
2	Chính sách hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp (chính sách số 6 – mức 3.710.000 đồng/người)	5	3.710.000	18.550.000
3	Chính sách hỗ trợ bổ sung cho người lao động và trẻ em (chính sách số 7 – mức 1.000.000 đồng/người hoặc trẻ em). Trong đó:	137		137.000.000
	- Người lao động đang mang thai	9	1.000.000	9.000.000
	- Người lao động đang nuôi con hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi	128	1.000.000	128.000.000
4	Chính sách hỗ trợ Hộ kinh doanh (chính sách số 10 – mức 3.000.000 đồng/hộ)	146	3.000.000	438.000.000
	Tổng cộng	735		2.242.645.000
	Bằng chữ:	Hai tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng		

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Căn cứ danh sách đối tượng và kinh phí được phê duyệt, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân thành phố Phú Quốc chịu trách nhiệm triển khai hỗ trợ kịp thời cho đối tượng theo thời gian quy định; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về các cơ quan chuyên môn theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về đối tượng nhận hỗ trợ trên địa bàn thành phố và chỉ đạo lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn địa phương về quy trình thủ tục thực hiện các nội dung có liên quan và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định; tổ chức giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc và Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./. H2

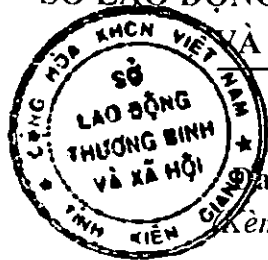
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, tthuy, "HT".

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lưu Trung



PHỤ LỤC 04

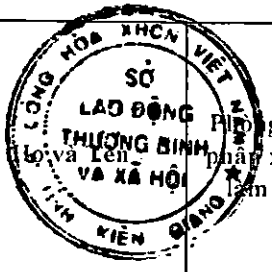
Danh sách đề nghị hỗ trợ do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 trên địa bàn thành phố Phú Quốc
Kèm theo Tờ trình số 2920/TTr-LĐT BXH ngày 10/11/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

NHÀ NGHỈ SAO BIÊN								69.070.000			
1.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							63.070.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Đào Văn Trọng	Sân vườn	24 tháng	01/03/2017	9116019247	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Đào Văn Trọng 070078568079 Tại Sacombank CN PQ	361582775	
2	Đào Văn Thắm	Sân vườn	24 tháng	01/03/2017	9116019250	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Đào Văn Thắm 070013197979 Tại Sacombank CN PQ	371808861	
3	Nguyễn Văn Anh Minh	Sân vườn	24 tháng	01/03/2017	9116019251	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Anh Minh 070080202121 Tại Sacombank CN PQ	370480573	
4	Trần Ngọc Anh	Kỹ thuật	24 tháng	01/03/2017	9116019260	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Trần Ngọc Anh 070078566149 Tại Sacombank CN PQ	370840659	
5	Lê Thị Thanh Loan	Bếp	24 tháng	01/03/2017	9116019252	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Lê Thị Thanh Loan 070078561031 Tại Sacombank CN PQ	371570247	
6	Ngô Thị Phụng Linh	Bếp	24 tháng	01/03/2017	9116019249	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Ngô Thị Phụng Linh 070078560752 Tại Sacombank CN PQ	371808862	

7	Nguyễn Hoàng Duy	Lễ Tân	24 tháng	01/03/2017	9116019258	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Duy 070078572221 Tại Sacombank CN PQ	370868327	
8	Trần Ngọc Kiều	Lễ Tân	24 tháng	01/03/2017	9116019259	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Trần Ngọc Kiều 070078571673 Tại Sacombank CN PQ	371069478	
9	Trần Minh Dũng	Lễ Tân	24 tháng	01/04/2018	9113000108	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Trần Minh Dũng 070078572378 Tại Sacombank CN PQ	340648468	
10	Trương Trung Kiên	Bell	24 tháng	01/04/2018	9116013533	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Trương Trung Kiên 070078570782 Tại Sacombank CN PQ	215307494	
11	Nguyễn Thanh Hiền	Kế toán	24 tháng	01/12/2017	5307003071	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Hiền 070080307789 Tại Sacombank CN PQ	370840671	
12	Lê Thị Kim Hoa	B.Phòng	24 tháng	01/01/2018	9123083501	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Lê Thị Kim Hoa 070080274767 Tại Sacombank CN PQ	370930001	
13	Phan Thị Thu Trinh	B.Phòng	24 tháng	01/06/2019	9213003342	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Phan Thị Thu Trinh 070096784668 Tại Sacombank CN PQ	92190000645	
14	Trần Chí Hải	Nhà hàng	24 tháng	01/03/2017	9116019262	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Trần Chí Hải 070078570901 Tại Sacombank CN PQ	371807125	
15	Nguyễn Trọng Hiếu	Nhà hàng	24 tháng	01/03/2017	9116019253	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Nguyễn Trọng Hiếu 070078558391 Tại Sacombank CN PQ	371336282	
16	Trần Ngọc Hạnh	Nhà hàng	24 tháng	01/03/2017	9116019261	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Trần Ngọc Hạnh 070078565479 Tại Sacombank CN PQ	371009141	
17	Đặng Thị Diễm Hương	Kinh doanh	24 tháng	01/03/2019	8723068207	01/06/2021	01/6 đến 31/8/2021	3.710.000	Đặng Thị Diễm Hương 060121426261 Tại Sacombank CN PQ	341731066	
1.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							6.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 1.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	

1	Nguyễn Thanh Hiền	11	Nguyễn Đình Tường Lam	10/12/2019	Đinh Vũ Mai Loan	371213378	1.000.000	Nguyễn Thanh Hiền 070080307789 tại Sacombank CN PQ	370840671		
2	Nguyễn Thanh Hiền		Nguyễn Đình Quốc Hưng	04/06/2021	Đinh Vũ Mai Loan	371213378	1.000.000	Nguyễn Thanh Hiền 070080307789 tại Sacombank CN PQ	370840671		
3	Lê Thị Kim Hoa	12	Đào Lê Trọng Nhân	18/08/2015	Đào Văn Trọng	361582775	1.000.000	Lê Thị Kim Hoa 070080274767 tại Sacombank CN PQ	370930001		
4	Trần Chí Hải	14	Trần Phúc Hưng	18/10/2018	Trần Ngọc Hạnh	371009141	1.000.000	Trần Chí Hải 070078570901 tại Sacombank CN PQ	371807125		
5	Nguyễn Trọng Hiếu	15	Nguyễn Gia Huy	20/02/2020	Lương Thị Hoàng Anh	221204870	1.000.000	Nguyễn Trọng Hiếu 070078558391 tại Sacombank CN PQ	371336282		
6	Đặng Thị Diễm Hương	17	Lê tấn Phúc	21/08/2020	Lê Tấn Thành	271918787	1.000.000	Đặng Thị Diễm Hương 060121426261 tại Sacombank TP.HCM	341731066		
II	HỘ KINH DOANH HÙNG ĐẠT PHÚ QUỐC						26.970.000				
2.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						25.970.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trần Thái Hiền	Bán hàng	XĐTH 36 tháng	01/10/2019	6816022825	23/05/2021	23/05/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Trần Thái Hiền 050074213951 Ngân hàng Sacombank	250681542	
2	Phan Thị Mỹ Huyền	Bán hàng	XĐTH 36 tháng	01/10/2019	8923840972	23/05/2021	23/05/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Phan Thị Mỹ Huyền 070074858838 Ngân hàng Sacombank CN Phú Quốc	352393190	

3	Đoàn Thị Ngọc	Bán hàng	XĐTH 36 tháng	01/10/2019	4025159030	23/05/2021	23/05/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Đoàn Thị Ngọc 070093574190 Ngân hàng Sacombank CN Phú Quốc	487362074	
4	Danh Thị Mỹ Duyên	Bán hàng	XĐTH 36 tháng	04/11/2019	7916100032	23/05/2021	23/05/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Danh Thị Mỹ Duyên 070093803211 Ngân hàng Sacombank CN Phú Quốc	371551632	
5	Lê Ngọc Hiền	Bán hàng	XĐTH 36 tháng	01/04/2020	9215007619	23/05/2021	23/05/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Lê Ngọc Hiền 070101725217 Ngân hàng Sacombank CN Phú Quốc	92091003977	
6	Hồ Thị Thu Mến	Bán hàng	XĐTH 36 tháng	01/04/2019	9113000102	23/05/2021	23/05/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Hồ Thị Thu Mến 070091173334 Ngân hàng Sacombank CN Phú Quốc	371020639	
7	Nguyễn Thế Vinh	Bán hàng	XĐTH 36 tháng	01/09/2020	9123978283	23/05/2021	23/05/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thế Vinh 070103383631 Ngân hàng Sacombank CN Phú Quốc	371727821	
2.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							1.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 2.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Hồ Thị Thu Mến	6	Trần Diệp Minh Đăng	18/10/2018	Trần Diệp Hận	91089001059	1.000.000	Hồ Thị Thu Mến 070091173334 Ngân hàng Sacombank CN Phú Quốc	371020639		
III	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO SÀI GÒN TẠI PHÚ QUỐC							7.420.000			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							7.420.000			

Stt			Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc									
1	Nguyễn Quốc Phong	Phòng Kinh Doanh	03 năm	05/04/2018	9123118882	01/09/2021	01/09/2021 - 30/11/2021	3.710.000	Nguyễn Quốc Phong - 1011.000.634.944 - VCB Phú Quốc	371307488	
2	Lâm Thanh Sang	Phòng Kinh Doanh	01 năm	22/12/2020	7911332241	01/09/2021	01/09/2021 - 30/11/2021	3.710.000	Lâm Thanh Sang - 1011.000.644.311 - VCB Phú Quốc	371272185	
IV	CÔNG TY TNHH HÀ PHAN NAM ĐẢO							161.110.000			
4.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							152.110.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Võ Thị Kim Đức	Kế toán	không xác định thời hạn	01/04/2021	9116023825	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Võ Thị Kim Đức, 70113010302, Sacombank chi nhánh Phú Quốc	371805564	
2	Nguyễn Thị Thu Dê	Kế toán	không xác định thời hạn	01/04/2021	7929279597	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thu Dê, 070112697487, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371220709	
3	Nguyễn Cao Cường	Lễ tân	không xác định thời hạn	01/04/2021	8925202981	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Cao Cường, 204387, ACB chi nhánh Phú Quốc.	351888920	
4	Nguyễn Xuân Nghĩa	Lễ tân	xác định thời hạn	23/06/2020	0125009907	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Xuân Nghĩa, 070112723569, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	001094019326	

5	Lý Thị Hồng Đoan	Buồng phòng	không xác định thời hạn	01/04/2021	9121673033	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Lý Thị Hồng Đoan, 070112698343, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371960455	
6	Huỳnh Thị Bé Hai	Buồng phòng	không xác định thời hạn	01/04/2021	9123108711	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Bé Hai, 070112692711, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371648615	
7	Bùi Xuân Mạnh	Kỹ thuật	xác định thời hạn	17/06/2020	4921346445	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Bùi Xuân Mạnh, 0651000838425, Vietcombank Phú Quốc.	205895931	
8	Ngô Kim Nương	Bếp	không xác định thời hạn	01/04/2021	9121716492	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Ngô Kim Nương, 070097364727, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371840895	
9	Đặng Hoàng Vũ	Điều hành	xác định thời hạn	04/08/2019	7908081681	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Đặng Hoàng Vũ, 070112984702, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	023751764	
10	Lê Kim Hoàng	Kế toán	xác định thời hạn	17/07/2020	7411312494	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Lê Kim Hoàng, 070085417078, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	370999194	
11	Nguyễn Diệp Thị Thanh Xuân	Kế toán	không xác định thời hạn	01/04/2021	7912032319	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Diệp Thị Thanh Xuân, 070064263429, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371306994	
12	Trần Thị Thu Thảo	Lễ tân	xác định thời hạn	02/07/2020	9123120080	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Trần Thị Thu Thảo, 070021736781, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371617711	
13	Lưu Nhật Tân	Lễ tân	xác định thời hạn	10/09/2020	9116019352	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Lưu Nhật Tân, 070065352484, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	362384050	
14	Tăng Ngọc Phương	Buồng phòng	không xác định thời hạn	01/04/2021	9123088189	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Tăng Ngọc Phương, 070034646609, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371808416	

15	Tô Thị Khéo	Buồng phòng	không xác định thời hạn	01/04/2021	9116023843	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Tô Thị Khéo, 070068911697, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371362016	
16	Lê Thị Tú Ca	Buồng phòng	xác định thời hạn	12/2019	9123100137	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Lê Thị Tú Ca, 070113591321, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	370944944	
17	Nguyễn Thị Bông	Buồng phòng	không xác định thời hạn	01/04/2021	9123091244	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Bông, 070099841352, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371951436	
18	Bùi Duy Vinh	Kỹ thuật	xác định thời hạn	20/12/2020	4816015664	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Bùi Duy Vinh, 070113170431, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371742253	
19	Hoàng Thanh Minh	Kỹ thuật	không xác định thời hạn	03/05/2021	9216003483	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Hoàng Thanh Minh, 75310000446745, BIDV Phú Quốc.	371102663	
20	Võ Văn Toàn	Sân vườn	không xác định thời hạn	01/04/2021	9123070989	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Võ Văn Toàn, 070112722341, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371731841	
21	Trần Trọng Tín	Nhà hàng	xác định thời hạn	17/07/2020	7915203120	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Trần Trọng Tín, 0091000590591, Vietcombank Phú Quốc.	370767822	
22	Lâm Đăng Khoa	Nhà hàng	không xác định thời hạn	26/04/2021	9114010033	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Lâm Đăng Khoa, 106287107, Đông Á chi nhánh Phú Quốc.	371570204	
23	Nguyễn Thị Diễm	Nhà hàng	không xác định thời hạn	01/04/2021	9123301174	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Diễm, 070113248090, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371715266	
24	Trần Cẩm Hằng	Nhà hàng	không xác định thời hạn	01/04/2021	9122543838	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Trần Cẩm Hằng, 070112724026, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371986507	

25	Lê Quốc Việt	Bếp	xác định thời hạn	01/01/2020	9116011443	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Lê Quốc Việt, 070113009479, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371634722	
26	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Bếp	xác định thời hạn	08/02/2020	7020980590	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thanh Thảo, 050083930982, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	285062862	
27	Nguyễn Quốc Hòa	Bếp	không xác định thời hạn	01/04/2021	9116018290	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Quốc Hòa, 070112740420, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371694347	
28	Nguyễn Đức Trung	Bếp	không xác định thời hạn	26/04/2021	9123061295	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Đức Trung, 070113100379, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371617539	
29	Nguyễn Thị Hồng	Bếp	không xác định thời hạn	26/04/2021	9123370539	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hồng, 070112726932, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371375089	
30	Hồ Thị Gọn	Lễ tân	không xác định thời hạn	01/04/2021	7912269607	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Hồ Thị Gọn, 070112696197, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	321406213	
31	Hà Thị Nho	Lễ tân	không xác định thời hạn	26/04/2021	9221530820	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Hà Thị Nho, 070113453379, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	092197000251	
32	Nguyễn Văn Thiệt	Bảo vệ	không xác định thời hạn	01/04/2021	9114011918	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thiệt, 070112693384, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371440313	
33	Nguyễn Huỳnh Mai	Buồng phòng	không xác định thời hạn	01/04/2021	9123126008	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Huỳnh Mai, 070112892670, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371069424	
34	Nguyễn Thị Sen	Buồng phòng	xác định thời hạn	25/06/2020	7915160931	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Sen, 501000131312, Vietcombank Bình Tân	215307543	

35	Hình Thị Cẩm Thu	Buồng phòng	không xác định thời hạn	01/04/2021	9123695952	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Hình Thị Cẩm Thu, 75310000415295, BIDV chi nhánh Phú Quốc.	371867054	
36	Bùi Xuân Tứ	Kỹ thuật	không xác định thời hạn	01/04/2021	9116023779	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Bùi Xuân Tứ, 070113233697, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371617249	
37	Nguyễn Đình Tài	Kỹ thuật	xác định thời hạn	17/06/2020	9123055360	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Đình Tài, 1011000642544, Vietcombank Phú Quốc.	371742117	
38	Huỳnh Văn Sáng	Sân vườn	không xác định thời hạn	01/04/2021	9124149544	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	ko có tài khoản ngân hàng, xin nhận tiền mặt tại phòng Lao động Phú Quốc.	371404546	
39	Lê Thị Tiểu Yến	Nhà hàng	không xác định thời hạn	01/04/2021	9122897442	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Lê Thị Tiểu Yến, 070082092844, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371861674	
40	Bùi Văn Trung	Bếp	không xác định thời hạn	01/04/2021	9116013574	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Bùi Văn Trung, 070112722228, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371742720	
41	Nguyễn Thanh Tùng	Bếp	không xác định thời hạn	01/04/2021	9113009549	01/06/2021	01/06-01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Tùng, 070113208900, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	341471554	
4.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							9.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 4.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Nguyễn Thị Thu Dẽ	2	Nguyễn Hoàng Gia Phú	30/01/2016	Nguyễn Thanh Tùng	371020692	1.000.000	Nguyễn Thị Thu Dẽ, 070112697487, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371220709		

2	Nguyễn Thị Thu Dê	2	Nguyễn Ngọc Hà My	17/01/2018	Nguyễn Thanh Tùng	371020692	1.000.000	Nguyễn Thị Thu Dê, 070112697487, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371220709	
3	Nguyễn Xuân Nghĩa	4	Nguyễn Phan An Nhiên	02/09/2020	Phan Thị Hồng Yên	371020394	1.000.000	Nguyễn Xuân Nghĩa, 070112723569, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	001094019326	
4	Nguyễn Thị Bông	17	Trương Anh Khôi	28/07/2015	Trương Minh Đời	371521401	1.000.000	Nguyễn Thị Bông, 070099841352, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371951436	
5	Lâm Đăng Khoa	22	Lâm Đăng Trí	19/10/2016	Hồ Mỹ Trúc	371440263	1.000.000	Lâm Đăng Khoa, 106287107, Đông Á chi nhánh Phú Quốc.	371570204	
6	Nguyễn Quốc Hòa	27	Nguyễn Quốc Hào	03/05/2018	Huỳnh Thị Tuyết Phương	371805139	1.000.000	Nguyễn Quốc Hòa, 070112740420, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371694347	
7	Nguyễn Đức Trung	28	Nguyễn Đức Thành	19/11/2019	Trần Thị Ngọc Diệp	371571217	1.000.000	Nguyễn Đức Trung, 70113100379, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371617539	
8	Bùi Xuân Tứ	36	Bùi Lê Duy Thiện	01/02/2021	Lê Hoàng Chúc Linh	371610525	1.000.000	Bùi Xuân Tứ, 070113233697, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	371617249	
9	Nguyễn Thanh Tùng	41	Nguyễn Hồ Duy Khôi	13/01/2017	Hồ Thị Bích Tuyền	371466082	1.000.000	Nguyễn Thanh Tùng, 070113208900, Sacombank chi nhánh Phú Quốc.	341471554	
V	CÔNG TY TNHH PHƯƠNG OANH PHÚ QUỐC						19.550.000			
5.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						18.550.000			

Stt			Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trịnh Nhật	Ban Giám đốc	QĐƯQ không xác định thời hạn	29/05/2019	7916017587	19/07/2021	19/07/2021 đến 19/08/2021	3.710.000	Trịnh Nhật; 19035255084010; Ngân hàng Techcombank-CN Phú Quốc	371440578	
2	Lê Huỳnh Châu	P. Kế toán	HĐLĐ có thời hạn 18 tháng	01/06/2020	4907001107	19/07/2021	19/07/2021 đến 19/08/2021	3.710.000	Lê Huỳnh Châu; 0091000466607; Ngân hàng Vietcombank - CN Phú Quốc	341248414	
3	Trần Thị Tân Trang	P. Kế toán	HĐLĐ có thời hạn 16 tháng	01/08/2020	9710233774	19/07/2021	19/07/2021 đến 19/08/2021	3.710.000	Trần Thị Tân Trang; 0091000128998; Ngân hàng Vietcombank - CN Phú Quốc	371070403	
4	Nguyễn Cao Bằng	BP. Bán hàng	HĐLĐ có thời hạn 12 tháng	01/01/2021	9123130335	19/07/2021	19/07/2021 đến 19/08/2021	3.710.000	Nguyễn Cao Bằng; 7790205295237; Ngân hàng Agribank - CN Phú Quốc	371737195	
5	Huỳnh Trần Thanh Hà	BP. Bán hàng	HĐLĐ có thời hạn 18 tháng	01/06/2020	9123978347	19/07/2021	19/07/2021 đến 19/08/2021	3.710.000	Huỳnh Trần Thanh Hà; 75310000454881; Ngân hàng BIDV- CN Phú Quốc	371566383	
5.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							1.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 5.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Trịnh Nhật	1	Trịnh Bảo Đan	19/02/2021	Huỳnh Trần Yến Nhi	371571397	1.000.000	Trịnh Nhật; 19035255084010; Ngân hàng Techcombank-CN Phú Quốc	371440578		

VI	CÔNG TY CỔ PHẦN XE BUÝT PHÚ QUỐC							26.970.000			
6.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							25.970.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Đoàn Tuấn Linh	Tài xế xe	Hợp đồng xác định thời hạn 2 năm	01/01/2020	7721832189	03/06/2021	Từ ngày 03/06/2021 đến ngày 01/10/2021	3.710.000	Đoàn Tuấn Linh 04870953040 VietinBank - CN Phú Quốc	273050350	
2	Nguyễn Văn Hải	Tài xế xe	Hợp đồng xác định thời hạn 2 năm	01/01/2020	8721825674	03/06/2021	Từ ngày 03/06/2021 đến ngày 01/10/2021	3.710.000	Bùi Thị Trúc Ly 7790231003270 Agribank -CN Phú Quốc	341217076	
3	Nguyễn Văn Trác	Tài xế xe	Hợp đồng xác định thời hạn 2 năm	01/01/2020	9111005314	03/06/2021	Từ ngày 03/06/2021 đến ngày 01/10/2021	3.710.000	THÁI THỊ THU HƯƠNG 12210001870028 BIDV CN Hà Nội	370575535	
4	Lâm Thanh Tiến	Tài xế xe	Hợp đồng xác định thời hạn 2 năm	01/01/2020	9123056140	03/06/2021	Từ ngày 03/06/2021 đến ngày 01/10/2021	3.710.000	Lâm Thanh Tiến 70050872643 Sacombank - CN Phú Quốc	370767592	
5	Tô Minh Nghĩa	Tài xế xe	Hợp đồng xác định thời hạn 2 năm	01/01/2020	9123070823	03/06/2021	Từ ngày 03/06/2021 đến ngày 01/10/2021	3.710.000	Tô Minh Nghĩa 8168689968 NH Quân Đội (MB) - CN Phú Quốc	370868844	
6	Nguyễn Văn Dũng	Giám Đốc	Hợp đồng xác định thời hạn 2 năm	10/03/2021	9123372440	03/06/2021	Từ ngày 03/06/2021 đến ngày 01/10/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Dũng 070046714146 Sacombank - Cn Phú Quốc	371898916	
7	Trần Bé Ty	Nv Thủ quỹ	Hợp đồng xác định thời hạn 2 năm	10/03/2021	9122268462	03/06/2021	Từ ngày 03/06/2021 đến ngày 01/10/2021	3.710.000	Trần Bé Ty 108873030341 Vietinbank - Cn Phú Quốc	371581683	

6.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con để học tập hoặc chăm sóc thay thế trẻ em						1.000.000				
Stt		tự tại mục 5.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Trần Bé Ty	7	Phù Trần Phương Thu	20/02/2018	Phù Cơ Thông	371375682	1.000.000	Trần Bé Ty 108873030341 Viettinbank cn Phú Quốc.	371581683		
VII	CÔNG TY TNHH SUN VIỆT PHÚ QUỐC						16.840.000				
7.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						14.840.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trần Hồng Thanh	Ban Giám đốc	Hợp đồng 12 tháng, từ 01/4/2021 đến 31/3/2022	01/04/2021	9123357265	01/06/2021	01/6/2021- 30/09/2021	3.710.000	Trần Hồng Thanh, 9790170179999, Ngân hàng Quân đội Phú Quốc	024093574	
2	Lê Hữu Trí	Quản lý KS	Hợp đồng 12 tháng, từ 01/4/2021 đến 31/3/2022	01/04/2021	9123106185	01/06/2021	01/6/2021- 30/09/2021	3.710.000	Lê Hữu Trí, 6880109999979, Ngân hàng Quân đội Phú Quốc	077090001524	
3	Nguyễn Duy Phú	Quản lý NH	Hợp đồng 12 tháng, từ 01/4/2021 đến 31/3/2022	01/04/2021	0125182326	01/06/2021	01/6/2021- 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Duy Phú, 6788678678888, Ngân hàng Quân đội Phú Quốc	017489952	
4	Nguyễn Hùng Định	NV Marketing	Hợp đồng 12 tháng, từ 01/4/2021 đến 31/3/2022	01/04/2021	9123251669	01/06/2021	01/6/2021- 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hùng Định, 75310000323459, BIDV chi nhánh Phú Quốc	371547409	

7.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em						2.000.000				
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 7.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Nguyễn Duy Phú	3	Nguyễn Ngọc Phương Anh	07/01/2019	Nguyễn Thị Hiền	112211980	1.000.000	Nguyễn Duy Phú, 6788678678888, Ngân hàng Quân đội Phú Quốc	017489952		
2	Nguyễn Duy Phú	3	Nguyễn Duy Bình	17/4/2017	Nguyễn Thị Hiền	112211980	1.000.000	Nguyễn Duy Phú, 6788678678888, Ngân hàng Quân đội Phú Quốc	017489952		
VIII	CÔNG TY TNHH ĐÓNG NỘI PHÚ QUỐC						14.840.000				
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						14.840.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Bích Diệu	Phòng kinh doanh	Không xác định thời hạn	01/03/2015	9115011388	05/07/2021	05/07/2021-31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Bích Diệu 19026669385021 Techcombank chi nhánh Tân Cảng	025359567	
2	Vũ Thị Diệu	Phòng kinh doanh	Không xác định thời hạn	01/06/2020	7916043960	05/07/2021	05/07/2021-31/08/2021	3.710.000	Vũ Thị Diệu 19033401731012 - Techcombank chi nhánh Tân Cảng	285318123	
3	Lê Thị Thu Hiền	Phòng kinh doanh	Xác định thời hạn 1 năm	28/07/2020	9116013438	05/07/2021	05/07/2021-31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Thu Hiền 19036441320014 - CN TECHCOMBANK TÂN CẢNG	272120448	

4	Nguyễn Văn Hoa	Phòng kinh doanh	Không xác định thời hạn	01/03/2015	5304000643	05/07/2021	05/07/2021-31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hoa 19036352802013 TECHCOMBANK TÂN CẢNG	025531356	
IX	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NAMASTE							139.560.000			
9.1	Đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							133.560.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Thiên	Kỹ thuật	Không xác định thời hạn	01/01/2021	0297138112	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Minh Thiên 9240188888868 Ngân hàng Quân đội MB CN Phú Quốc	023659688	
2	Võ Hữu Huy	Thu Ngân	Không xác định thời hạn	01/01/2021	5820833560	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Võ Hữu Huy 7170101691002 Ngân hàng Quân đội MB CN Phú Quốc	264442738	
3	Diệp Năng Đức	Kinh Doanh	Không xác định thời hạn	01/01/2021	5620047524	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Diệp Năng Đức 75310000453426 Ngân hàng TMCP ĐT&PT BIDV CN Phú Quốc	225022779	
4	Danh Oanh Na Hồng	Dịch vụ Giải Trí	Không xác định thời hạn	01/01/2021	9113011407	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Danh Oanh Na Hồng 7170101687005 Ngân hàng Quân đội MB CN Phú Quốc	371347860	
5	Phan Văn Thông	Dịch vụ Giải Trí	Không xác định thời hạn	01/01/2021	9122744701	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Phan Văn Thông 7170101689008 Ngân hàng Quân đội MBCN Phú Quốc	371737387	

6	Nguyễn Hà Triều	Dịch vụ Giải Trí	Không xác định thời hạn	01/01/2021	9622974556	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hà Triều 7170101708002 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	371524713	
7	Danh Minh Thành	Dịch vụ Giải Trí	Không xác định thời hạn	01/01/2021	9124143556	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Danh Minh Thành 7170102170006 Ngân hàng Quân đội MB CN Phú Quốc	371963784	
8	Nguyễn Võ Anh Điền	Dịch vụ Giải Trí	Không xác định thời hạn	01/01/2021	8713005511	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Võ Anh Điền 7170102608001 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	341433491	
9	Lâm Trường An	Dịch vụ Giải Trí	Không xác định thời hạn	01/01/2021	9123047579	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lâm Trường An 7170103226005 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	371807033	
10	Phan Quốc Nam	Dịch vụ Giải Trí	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9622266403	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Phan Quốc Nam 0000113686789 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	381851357	
11	Trần Minh Hào	Dịch vụ Giải Trí	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	5621556974	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Minh Hào 7170103413007 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	225578555	
12	Phan Hồng Thành	Kinh Doanh	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9124108019	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Phan Hồng Thành 7170103805005 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	371962402	
13	Trần Trọng Khánh	Kinh Doanh	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9115009416	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Trọng Khánh 7170103822007 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	371299821	
14	Nguyễn Hoàng Mai	Kinh Doanh	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9623037412	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Mai 7880180189999 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	381757965	

15	Nguyễn Hoàng Nam	Dịch vụ Giải Trí	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	4017997679	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Nam 7170103824007 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	187077062	
16	Lê Tấn Phát	Kỹ thuật	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9122321685	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Tấn Phát 9100179241285 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	371924339	
17	Trần Thanh Long	Kinh Doanh	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9116011024	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Thanh Long 9960115101996 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	371694330	
18	Quách Tấn Hưng	Kinh Doanh	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	8916011702	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Quách Tấn Hưng 0140146789888 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	352264526	
19	Trần Bình Dương	Thu Ngân	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9123234451	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Bình Dương 6990110041998 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	371849870	
20	Nguyễn Nhật Hào	Kinh Doanh	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9121636343	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Nhật Hào 5600106223004 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	371855281	
21	Nguyễn Việt Ảnh	Dịch vụ Giải Trí	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9123474723	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Việt Ảnh 1990119051999 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	371889227	
22	Bảo An	Dịch vụ Giải Trí	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	4107010998	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Bảo An 7990120081980 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	225184066	
23	Phạm Thị Mai Trinh	Dịch vụ Giải Trí	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9122884977	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Mai Trinh 6990119041972 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	371245260	

24	Danh Thiệt	Dịch vụ Giải Trí	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9123873581	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Danh Thiệt 7170101690006 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	372116848	
25	Lưu Thiên Phú	Nhân sự	Xác định thời hạn 1 năm	07/02/2021	7928463939	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lưu Thiên Phú 6188622105775 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	077094002235	
26	Trần Hoàng Vũ	Ban Giám Đốc	Xác định thời hạn 1 năm	07/02/2021	7913014031	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Hoàng Vũ 5580160169999 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	079087010236	
27	Dương Quang Trường	Kinh Doanh	Xác định thời hạn 1 năm	01/04/2021	7410192668	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Dương Quang Trường 7668686867979 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	281017213	
28	Trần Văn Việt	Kỹ thuật	Xác định thời hạn 1 năm	23/03/2021	5621601286	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Văn Việt '6990124071961 Ngân hàng Quân đội MB--CN Phú Quốc	220889264	
29	Phạm Lê Phương Khánh	Kinh Doanh	Xác định thời hạn 1 năm	01/04/2021	9123914953	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Phạm Lê Phương Khánh '8990129101998 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	372070730	
30	Lý Văn Đô	Dịch vụ Giải Trí	Xác định thời hạn 1 năm	23/03/2021	7411104269	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lý Văn Đô 7690180189999 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	371521919	
31	Đinh Song Hậu	Dịch vụ Giải Trí	Xác định thời hạn 1 năm	23/03/2021	9123128333	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Đinh Song Hậu 1980160169999 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	371219800	
32	Võ Việt Hào	Dịch vụ Giải Trí	Xác định thời hạn 1 năm	26/03/2021	9124153866	10/06/2021	Từ 10/06/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Võ Việt Hào 9990112061995 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	381721341	

<

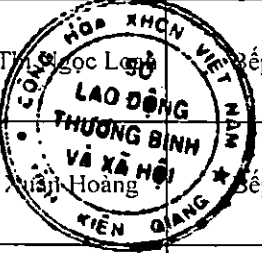
5	Trần Thị Hồng	33	Trần Gia Huy	12/09/2020	Trần Đình Cường	187222165	1.000.000	Trần Thị Hồng '9980138150793 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	371485243		
6	Lê Thị Thu Hà	36	Nguyễn Lê Khánh An	13/10/2016	Nguyễn Thế Duy	225251844	1.000.000	Lê Thị Thu Hà 7270107396007 Ngân hàng Quân đội MB-CN Phú Quốc	371070814		
X	CÔNG TY TNHH MTV HOA NAM PHÚ QUỐC						3.710.000				
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						3.710.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Đình Văn Quang	NV Kinh Doanh	không xác định thời hạn	02/05/2018	5414003682	01/07/2021	1/7/2021 - 30/9/2021	3.710.000	Đình Văn Quang, 0751000036589, Vietcombank	372119165	
XI	CÔNG TY CP NAM THẮNG PHÚ QUỐC						48.810.000				
11.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						40.810.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Duy	Nhân sự	Có thời hạn 1 năm	01/01/2018	9116012153	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thế Duy, 888757588888, Ngân hàng ACB Phú Quốc	370868328	
2	Lê Huy Lý	Thanh tra pháp chế	Có thời hạn 1 năm	01/04/2021	9116012783	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Lê Huy Lý, 1000119629999, Ngân hàng MB Hà Nội	140332679	

3	Trương Thị Oanh	Nhà sư	Có thời hạn 1 năm	01/04/2018	9113009595	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Trương Thị Oanh, 900548888, Ngân hàng ACB Phú Quốc	371375657	
4	Hoàng Thế Linh	Kế toán	Có thời hạn 1 năm	01/08/2017	9116012784	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Hoàng Thế Linh, 7270103630005, Ngân hàng MB Phú Quốc	241450416	
5	Chế Văn Thanh	Điều hành	Có thời hạn 1 năm	01/12/2020	9113010220	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Chế Văn Thanh, 750758888, Ngân hàng ACB Phú Quốc	371145743	
6	Nguyễn Ngọc Thanh	Kế toán	Có thời hạn 1 năm	01/02/2021	9214000237	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Thanh, 0091000581565, Ngân hàng Vietcombank Phú Quốc	371375596	
7	Đặng Thiện Sang	Kỹ thuật	Có thời hạn 1 năm	01/01/2021	8923406688	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Nhận tiền mặt do không có tài khoản ngân hàng	352324805	
8	Phạm Bá Sơn	Điều hành	Có thời hạn 1 năm	01/12/2020	9123048124	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Phạm Bá Sơn, 2680943727060, Ngân hàng MB Phú Quốc	371715685	
9	Huỳnh Thị Mỹ Lệ	Tổng đài	Có thời hạn 1 năm	01/01/2021	9109003694	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Mỹ Lệ, 75310000037866, Ngân hàng BIDV Phú Quốc	371020659	
10	Tổng Thị Hồng Thúy	Tổng đài	Có thời hạn 1 năm	01/01/2021	9113010359	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Nhận tiền mặt do không có tài khoản ngân hàng	371634117	
11	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Kế toán	Có thời hạn 1 năm	01/12/2020	9116010836	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ngọc Huyền, 070067274741, Ngân hàng Sacombank Phú Quốc	371485301	
11.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							8.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 11.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	

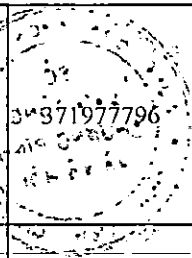
1	Nguyễn Thế Duy	1	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	19/01/2019	Trần Thị Châu	370916598	1.000.000	Nguyễn Thế Duy, 888757588888, Ngân hàng ACB Phú Quốc	370868328		
2	Nguyễn Thế Duy	1	Nguyễn Trần Bảo Ngân	12/09/2020	Trần Thị Châu	370916598	1.000.000	Nguyễn Thế Duy, 888757588888, Ngân hàng ACB Phú Quốc	370868328		
3	Phạm Bá Sơn	8	Phạm Mai Bảo Châu	20/06/2018	Mai Thị Thu Thảo	285415640	1.000.000	Phạm Bá Sơn, 2680943727060, Ngân hàng MB Phú Quốc	371715685		
4	Phạm Bá Sơn	8	Phạm Mai Bảo Khang	05/05/2021	Mai Thị Thu Thảo	285415640	1.000.000	Phạm Bá Sơn, 2680943727060, Ngân hàng MB Phú Quốc	371715685		
5	Tổng Thị Hồng Thúy	10	Đặng Minh Đức	01/12/2018	Đặng Cu Túng	091091001089	1.000.000	Nhận tiền mặt do không có tài khoản ngân hàng	371634117		
6	Chế Văn Thanh	5	Chế Gia Bảo	09/12/2017	Trần Ngọc Như Thanh	371168598	1.000.000	Chế Văn Thanh, 750758888, Ngân hàng ACB Phú Quốc	371145743		
7	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11	Nguyễn Minh An	28/01/2020	Nguyễn Minh Sơn	371617840	1.000.000	Nguyễn Thị Ngọc Huyền, 070067274741, Ngân hàng Sacombank Phú Quốc	371485301		
8	Nguyễn Ngọc Thanh	6	Nguyễn Quách Bảo Ngọc	12/05/2020	Quách Thị Sóc Kha	365823656	1.000.000	Nguyễn Ngọc Thanh, 0091000581565, Ngân hàng Vietcombank Phú Quốc	371375596		
XII	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH DƯƠNG						106.880.000				
12.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						103.880.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLD/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú

1	Nguyễn Thành Khôi	Tiền sảnh	Xác định thời hạn 01/06/2021 - 30/06/2022	01/06/2021	5612003502	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	04106068001 Nguyễn Thành Khôi Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	230743490	
2	Lê Văn Dương	Tiền sảnh	Xác định thời hạn 01/07/2021 - 31/07/2022	01/07/2021	9111004852	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	04106060401 Lê Văn Dương Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	371977796	
3	Lê Thanh Hiền	Tiền sảnh	Xác định thời hạn 01/05/2021 - 30/04/2022	01/05/2021	7414150678	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	04106050501 Lê Thanh Hiền Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	281170318	
4	Nguyễn Sơn Ân	Tiền sảnh	Xác định thời hạn 01/05/2021 - 30/04/2022	01/05/2021	9113010443	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	04106138001 Nguyễn Sơn Ân Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	371070330	
5	Trương Hoài Đan Thanh	Tiền sảnh	Xác định thời hạn 01/07/2020 - 31/07/2021	01/07/2020	9116009612	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	04106036901 Trương Hoài Đan Thanh Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	225354336	
6	Trần Ngọc Vẹn	Tiền sảnh	Xác định thời hạn 01/06/2021 - 30/06/2022	01/06/2021	7415164836	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	04106058101 Trần Ngọc Vẹn Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	371716758	
7	Nguyễn Văn Tàn	Tiền sảnh	Xác định thời hạn 01/06/2021 - 30/06/2022	01/06/2021	4620756919	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	04106052901 Nguyễn Văn Tàn Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	191775779	
8	Bùi Đức Nhân	Tiền sảnh	Xác định thời hạn 01/07/2020 - 31/07/2021	01/07/2020	9115009575	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	04106064201 Bùi Đức Nhân Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	341604849	
9	Nguyễn Thị Mộng Nhân	Buồng phòng	Xác định thời hạn 01/05/2021 - 30/04/2022	01/05/2021	9123879270	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	04106069701 Nguyễn Thị Mộng Nhân Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	371673617	
10	Hà Thị Kim Tuyền	Buồng phòng	Xác định thời hạn 01/06/2021 - 30/06/2022	01/06/2021	9123106573	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	04033293101 Hà Thị Kim Tuyền Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	371891400	
11	Trần Mỹ Anh	Buồng phòng	Xác định thời hạn 01/08/2020 - 30/08/2021	01/08/2020	9123892007	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	04036625701 Trần Mỹ Anh Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	371851719	

12	Lê Thị Lệ Xuân	Buồng phòng	Xác định thời hạn 01/10/2020 - 30/10/2021	01/10/2020	9112001481	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04033294801 Lê Thị Lệ Xuân Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	240715257	
13	Trần Thị Cẩm Hiền	Buồng phòng	Xác định thời hạn 01/10/2020 - 30/10/2021	01/10/2020	9123696771	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04033347101 Trần Thị Cẩm Hiền Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	371731789	
14	Phan Thị Mỹ Tâm	Nhà hàng	Xác định thời hạn 01/05/2021 - 30/04/2022	01/05/2021	8922571131	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04033344001 Phan Thị Mỹ Tâm Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	352273357	
15	Võ Thị Ngọc	Nhà hàng	Xác định thời hạn 01/07/2020 - 31/07/2021	01/07/2020	9122898072	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04033346401 Võ Thị Ngọc Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	371970994	
16	Trần Thị Kim Lài	Nhà hàng	Xác định thời hạn 01/07/2020 - 31/07/2021	01/07/2020	9123053510	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04033345701 Trần Thị Kim Lài Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	372032411	
17	Ngô Thị Mỹ Tiên	Nhà hàng	Xác định thời hạn 01/03/2021 - 01/03/2022	01/03/2021	9123074376	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04036442001 Ngô Thị Mỹ Tiên Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	371742369	
18	Nguyễn Tuấn Đạt	Nhà hàng	Xác định thời hạn 01/07/2020 - 31/07/2021	01/07/2020	9123081851	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04033348801 Nguyễn Tuấn Đạt Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	79200012256	
19	Lê Thị Tuyết	Bếp	Xác định thời hạn 01/10/2020 - 30/10/2021	01/10/2020	9321845652	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04106029101 Lê Thị Tuyết Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	363617833	
20	Huỳnh Thiện Hòa	Bếp	Xác định thời hạn 01/06/2021 - 30/06/2022	01/06/2021	9422789614	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04106139701 Huỳnh Thiện Hòa Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	365563996	
21	Nguyễn Thị Phương	Bếp	Xác định thời hạn 01/10/2020 - 30/10/2021	01/10/2020	9123368278	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04106037601 Nguyễn Thị Phương Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	370612813	
22	Đỗ Quốc Đạt	Bếp	Xác định thời hạn 01/06/2021 - 30/06/2022	01/06/2021	9123119486	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	03834131001 Đỗ Quốc Đạt Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	371977317	



23	Trần Thị Ngọc Loan	Bếp	Xác định thời hạn 01/03/2021 - 01/03/2022	01/03/2021	9121642311	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04077668101 Trần Thị Ngọc Loan Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	370705063	
24	Khúc Xuân Hoàng	Bếp	Xác định thời hạn 03/05/2021 - 03/05/2022	03/05/2021	2616142786	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04036438301 Khúc Xuân Hoàng Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	151919257	
25	Trương Thị Hoài	Bếp	Xác định thời hạn 21/04/2021 - 21/04/2022	21/04/2021	9313006148	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04206949101 Trương Thị Hoài Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	364059431	
26	Nguyễn Thanh Tùng	Kỹ thuật	Xác định thời hạn 01/03/2021 - 01/03/2022	01/03/2021	9122674815	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04106053601 Nguyễn Thanh Tùng Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	371871628	
27	Nguyễn Thái Du	Bảo vệ	Xác định thời hạn 01/11/2020 - 30/11/2021	01/11/2020	116350178	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	04036622601 Nguyễn Thái Du Ngân hàng Tiên Phong (TP bank)	371708824	
28	Nguyễn Minh Toàn	IT	Xác định thời hạn 05/04/2021 - 05/04/2022	05/04/2021	4820363537	19/07/2021	19/07/2021-31/08/2021	3.710.000	9410196789999 Nguyễn Minh Toàn Ngân hàng Quân Đội (MB bank) Chi nhánh Duy Xuyên-Quảng Nam	4820363537	
12.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							3.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 12.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Lê Thanh Hiền	3	Lê Hoàng Yến Nhung	02/05/2020	Hoàng Thị Tý	187008697	1.000.000	04106050501 Lê Thanh Hiền Ngân hàng Tiên Phong (TP bank) Chi nhánh Nguyễn Thị Minh Khai-Quận 3-HCM	281170318		

2	Lê Văn Đương	2	Lê Hoàng Phú	26/09/2016	Hoàng Thị Hồng	371977797	1.000.000	04106060401 Lê Văn Đương Ngân hàng Tiên Phong (TP bank) Chi nhánh Nguyễn Thị Minh Khai-Quận 3- HCM			
3	Lê Văn Đương	2	Lê Hoàng Phú Quý	09/02/2021	Hoàng Thị Hồng	371977797	1.000.000	04106060401 Lê Văn Đương Ngân hàng Tiên Phong (TP bank) Chi nhánh Nguyễn Thị Minh Khai-Quận 3- HCM	371977796		
XIII	DNTN DỊCH VỤ DU LỊCH TÂN PHÁT PHÚ QUỐC						14.130.000				
13.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						11.130.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Hồ Việt Khoa	Tài xế	Không thời hạn	05/01/2016	9111005099	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/11/2021	3.710.000	Hồ Việt Khoa - 19035588293016 - NH Techcombank Phú Quốc	370999374	
2	Trần Quốc Quang	Tài xế	Không thời hạn	05/01/2016	9116011967	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/11/2021	3.710.000	Trần Quốc Quang - 070045706891 - NH Sacombank CN PHÚ QUỐC	371020140	
3	Nguyễn Tấn Phát	Chủ DN/ Điều hành xe	Không thời hạn	05/01/2016	9116011965	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/11/2021	3.710.000	Nguyễn Tấn Phát - 070004128670 - NH SACOMBANK CN PQ	370481521	
13.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em						3.000.000				
			Thông tin về con và vợ hoặc chồng						Tài khoản của người		

Stt	Họ và tên	Thứ tự tại mục 13.1	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
1	Trần Quốc Quang	2	Trần Huỳnh Kim Ngân	12/07/2018	Trần Thị Mỹ Viên	371742762	1.000.000	Trần Quốc Quang - 070045706891 - NH Sacombank CN PHÚ QUỐC	371020140		
2	Trần Quốc Quang	2	Trần Huỳnh Bảo Châu	19/8/2021	Trần Thị Mỹ Viên	371742762	1.000.000	Trần Quốc Quang - 070045706891 - NH Sacombank CN PHÚ QUỐC	371020140		
3	Hồ Việt-Khoa	1	Hồ Hải Đan	26/3/2018	Đặng Thị Ngọc Quyên	370916379	1.000.000	Hồ Việt Khoa - 19035588293016 - NH Techcombank Phú Quốc	370999374		
XIV	CÔNG TY TNHH MTV SXTM VÀ DV NAM SƠN PHÚ QUỐC						38.100.000				
14.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						37.100.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLD/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ SEN	Kế toán	Thời hạn 2 năm	02/01/2020	0105042135	01/08/2021	01/08/2021 đến ngày 31/10/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ SEN 21410000688927 - BIDV CN Đông Hà Nội	013557746	
2	NGUYỄN THỊ TRANG	Bộ phận PV	Thời hạn 2 năm	01/01/2021	2711028068	01/08/2021	01/08/2021 đến ngày 31/10/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ TRANG 75310000101877 - BIDV CN Phú Quốc, Kiên Giang	070852178	
3	HOÀNG ĐÌNH BẦY	Bộ phận PV	Thời hạn 2 năm	01/01/2021	0110093593	01/08/2021	01/08/2021 đến ngày 31/10/2021	3.710.000	HOÀNG ĐÌNH BẦY 75310000122610 - BIDV CN Phú Quốc, Kiên Giang	013557088	

4	NGUYỄN XUÂN TUÔNG	Bộ phận PV	Thời hạn 2 năm	12/01/2019	0113154480	01/08/2021	01/08/2021 đến ngày 31/10/2021	3.710.000	NGUYỄN XUÂN TUÔNG 21410000790132 - BIDV CN Đông Hà Nội	371481554	
5	ĐINH VĂN QUÂN	Bộ phận PV	Thời hạn 2 năm	12/01/2019	0110035472	01/08/2021	01/08/2021 đến ngày 31/10/2021	3.710.000	ĐINH VĂN QUÂN 75310000099820 - BIDV CN Phú Quốc,Kiên Giang	070720649	
6	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Bộ phận bếp	Thời hạn 2 năm	43477	0110094422	01/08/2021	01/08/2021 đến ngày 31/10/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ HƯƠNG 75310000099839 - BIDV CN Phú Quốc,Kiên Giang	070707299	
7	HOÀNG THỊ NGÂN	NV SALES	Thời hạn 2 năm	44202	9123094627	01/08/2021	01/08/2021 đến ngày 31/10/2021	3.710.000	HOÀNG THỊ NGÂN 223362893 - VP BANK CN HCM	371715154	
8	HOÀNG MINH THÀNH	P.GIÁM ĐỐC	KHÔNG THỜI HẠN	42016	0110035470	01/08/2021	01/08/2021 đến ngày 31/10/2021	3.710.000	HOÀNG MINH THÀNH 6880166865555 - MB BANK CN HÀ NỘI	001085004019	
9	HOÀNG MINH LONG	TP.KINH DOANH	KHÔNG THỜI HẠN	43471	0112240321	01/08/2021	01/08/2021 đến ngày 31/10/2021	3.710.000	HOÀNG MINH LONG 9090988 - ACB CN Phú Quốc,Kiên Giang	001088020076	
10	BẠCH DƯƠNG BẢO	Bộ phận bếp	Thời hạn 2 năm	43837	7721811892	01/08/2021	01/08/2021 đến ngày 31/10/2021	3.710.000	BẠCH DƯƠNG BẢO 75310000266101 - BIDV CN Phú Quốc,Kiên Giang	077093001567	
14.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							1.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 14.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	NGUYỄN XUÂN TUÔNG	4	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	23/11/2020	Phạm Thị Mỹ Hồng	371.157.137	1.000.000	NGUYỄN XUÂN TUÔNG 21410000790132 - BIDV CN Đông Hà Nội	371481554		
XV	CÔNG TY CP DU LỊCH PHÚ QUỐC (BỔ SUNG)							25.000.000			Bổ sung

15.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con ốm hoặc con nhỏ hoặc chăm sóc thay thế trẻ em						22.000.000			
Stt		Thứ tự tại Tiểu mục 1.1 Mục 1 Quyết định số 2155 ngày 7/9/2021 của UBND tỉnh	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lê Thị Mỹ Xuyên	97	Nguyễn Hạnh Nhiên	01/05/2018	Nguyễn Phước Thiện	341.536.332	1.000.000	Lê Thị Mỹ Xuyên 0687041112942 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	341536332	
2	Lê Thị Út	79	Võ Lê Trường Vũ	18/10/2018	Võ Tấn Quang	371.617.426	1.000.000	Lê Thị Út 0687041076308 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	381905539	
3	Lê Thị Út	79	Võ Lê Tuyên Vy	25/11/2019	Võ Tấn Quang	371.617.426	1.000.000	Lê Thị Út 0687041076308 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	381905539	
4	Trần Thị Diệu Hương	94	Hoàng Bá Đức	03/01/2018	Hoàng Bá Lộc	371.617.461	1.000.000	Trần Thị Diệu Hương 0687041097134 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	371617461	
5	Lâm Mỹ Linh	89	Phạm Minh Thư	14/01/2016	Phạm Minh Bảo	371.521.847	1.000.000	Lâm Mỹ Linh 0687041083566 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	371521847	
6	Lại Thị Tám	86	Lê Gia Phú	12/04/2019	Lê Toàn Quyền	371.352.671	1.000.000	Lại Thị Tám 0687041080270 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	230877166	
7	Nguyễn Thị Thủy	93	Bằng Nhất Hạ	25/11/2015	Bằng Thanh Tú	351.630.065	1.000.000	Nguyễn Thị Thủy 0687041095922 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	352041476	
8	Trần Hoàng Duy	10	Trần Hoàng Phú Quốc	19/03/2021	Trần Thị Khách	215.231.801	1.000.000	Trần Hoàng Duy 0687041080755 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	215152078	

9	Vũ Khắc Duy	7	Vũ Trần Chí Kiên	07/09/2016	Trần Thị Lan Đài	371.252.522	1.000.000	Vũ Khắc Duy 0687041079543 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	371020477	
10	Khuu Minh Ngọc	25	Lê Anh Khoa	13/03/2018	Lê Huệ Tâm	371.570.811	1.000.000	Khuu Minh Ngọc 0687041099463 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	371788521	
11	Hà Quốc Đức	132	Hà Bảo Ngân	15/09/2015	Trương Thị Xuân Khánh	225.269.353	1.000.000	Hà Quốc Đức 0687041078456 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	194189859	
12	Nguyễn Hữu Tuấn	129	Nguyễn Ngọc Khả Hân	11/05/2021	Nguyễn Thị Thu Hương	241.376.847	1.000.000	Nguyễn Hữu Tuấn 0687041076230 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	371648449	
13	Trương Minh Hùng	134	Trương Phạm Gia Huy	29/11/2016	Phạm Ngọc Viên	091196001535	1.000.000	Trương Minh Hùng 0687041076135 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	371306406	
14	Nguyễn Thanh Điền	137	Nguyễn Hoàng Thanh Uy	13/08/2020	Nguyễn Thị Hoàng Huynh	371.742.040	1.000.000	Nguyễn Thanh Điền 0687041082832 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	371673641	
15	Nguyễn Tuấn Nhật	47	Nguyễn Huỳnh Bảo Lâm	01/05/2017	Huỳnh Thị Mỹ Tiên	371.440.784	1.000.000	Nguyễn Tuấn Nhật 0687041076177 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	211880504	
16	Son Thị Hoàng Linh	69	Trần Hoàng Nguyên Thịnh	16/04/2019	Trần Hùng Dũng	371.965.777	1.000.000	Son Thị Hoàng Linh 0687041076161 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	371009251	
17	Đỗ Thị Mỹ Duyên	121	Trần Ngọc Diệp	20/01/2017	Trần Chánh Nghĩa	371219121	1.000.000	Đỗ Thị Mỹ Duyên 0687041112254 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	371307797	
18	Đào Ngọc Ánh Thư	174	Hoàng Đào Tuệ Mẫn	24/12/2020	Hoàng Tuấn Anh	371.272.826	1.000.000	Đào Ngọc Ánh Thư 0687041076245 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	363722107	

19	Trần Ngọc Sơn	164	Trần Trần Quốc	18/01/2020	Trần Thị Ngọc Mai	215.510.938	1.000.000	Trần Ngọc Sơn 0687041091363 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	215094245	
20	Nguyễn Thị Mai	49	Hứa Hạ Vy	05/09/2021	Hứa Văn Thắng	371.617.876	1.000.000	Nguyễn Thị Mai 0687041076186 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	371547253	
21	Hoàng Tuấn Vũ	162	Hoàng Tuấn Anh	29/04/2021	Nguyễn Thị Diễm Hương	371.945.996	1.000.000	Hoàng Tuấn Vũ 0687041086001 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	184103608	
22	Vũ Xuân Thảo	125	Lê Vũ Đức Anh	09/08/2021	Lê Quốc Đại	024417923	1.000.000	Vũ Xuân Thảo 0687041091556 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	352042088	
15.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai						3.000.000			
Stt	Họ và tên		Thứ tự tại quyết định 2155 ngày 7/9/2021			Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú	
1	Nguyễn Thị Chúc Ly		82			1.000.000	Nguyễn Thị Chúc Ly 0687041076252 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	92199003298		
2	Phan Hoàng Liễu		15			1.000.000	Phan Hoàng Liễu 0687041080756 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	371673141		
3	Phan Thị Diễm Sương		13			1.000.000	Phan Thị Diễm Sương 0687041080330 NH Bản viết TP Hồ Chí Minh	352168289		
XVI	HỘ KINH DOANH TRƯỜNG MẦM NON VIỆT MỸ						17.840.000			
16.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						14.840.000			

Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLD/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)		Chị chú
1	Bùi Thị Trâm Anh	Bảo mẫu lớp mầm	Hợp lao động có thời hạn	01/09/2019	3823428565	01/07/2021	Từ 01/07/2021 Đến 31/08/2021	3.710.000	Tên TK: Bùi Thị Trâm Anh, Số TK: 7170103765003, Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội - Chi nhánh Phú Quốc (MB Bank)	372048513	
2	Thiều Thị Huyền	Giáo viên lớp lá	Hợp lao động có thời hạn	01/11/2020	3812029693	01/07/2021	Từ 01/07/2021 Đến 31/08/2021	3.710.000	Tên TK: Thiều Thị Huyền, STK: 7170103770007, Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội - Chi nhánh Phú Quốc (MB Bank)	173791196	
3	Lê Thị Mơ	Giáo viên lớp chồi	Hợp lao động có thời hạn	01/04/2021	9123113907	01/07/2021	Từ 01/07/2021 Đến 31/08/2021	3.710.000	Tên TK: Lê Thị Mơ, Số TK: 75310000379966, Ngân hàng TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - Chi nhánh Phú Quốc. (BIDV)	371807513	
4	Phạm Thị Nhị	Giáo viên lớp chồi	Hợp lao động có thời hạn	01/04/2021	4421102668	01/07/2021	Từ 01/07/2021 Đến 31/08/2021	3.710.000	Tên tài khoản : Phạm Thị Nhị Số tài khoản: 070111286831, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phú Quốc (Sacombank)	371683832	
16.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							3.000.000			
			Thông tin về con và vợ hoặc chồng						Tài khoản của người		

2	Dương Thị Huỳnh Thủy	Lớp học	Có thời hạn 02 năm	01/07/2019	9121685337	01/06/2021	01/06/2021 đến 01/09/2021	3.710.000	Dương Thị Huỳnh Thủy TK:7790205272572 ngân hàng: Agribank	371370017	
3	Nguyễn Ngọc Giào	Lớp học	Có thời hạn 02 năm	01/12/2019	9124190597	01/06/2021	01/06/2021 đến 01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Giào Stk:0108439403 Ngân Hàng: DongA bank	363699554	
4	Lý Thị Hương	Lớp học	Có thời hạn 02 năm	01/12/2019	9121892574	01/06/2021	01/06/2021 đến 01/09/2021	3.710.000	Lý Thị Hương Stk:7790205197056 Ngân hàng: Agribank	371653706	
5	Trịnh Thị Yến Thảo	Lớp học	Có thời hạn 02 năm	01/12/2019	9622930301	01/06/2021	01/06/2021 đến 01/09/2021	3.710.000	Trịnh Thị Yến Thảo Stk: 7790205272470 Ngân Hàng: Argibank	365646965	
6	Thị Tú Anh	Lớp học	Có thời hạn 02 năm	01/12/2019	9123381742	01/06/2021	01/06/2021 đến 01/09/2021	3.710.000	Thị Tú Anh Stk: 7714205043930 Ngân hàng: Agribank	371975036	
7	Thị Mỹ Trinh	Lớp học	Có thời hạn 02 năm	01/12/2019	9123381743	01/06/2021	01/06/2021 đến 01/09/2021	3.710.000	Thị Mỹ Trinh Stk: 7790231003126 Ngân hàng: Agibank	371948931	
8	Ngô Thị Tư	Lớp học	Có thời hạn 02 năm	01/06/2019	9123053078	01/06/2021	01/06/2021 đến 01/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Tư Stk: 19035600169016 Ngân Hàng: Techcombank	371571636	
9	Hồ Thị Thuận	Bếp ăn	Có thời hạn 02 năm	01/06/2019	9123045195	01/06/2021	01/06/2021 đến 01/09/2021	3.710.000		371485646	Nhận tiền mặt
10	Bùi Thị Hoa	Bếp ăn	Có thời hạn 02 năm	01/06/2019	9123123484	01/06/2021	01/06/2021 đến 01/09/2021	3.710.000		370767981	Nhận tiền mặt
11	Võ Thị Yến Xuân	Lớp học	Có thời hạn 02 năm	01/01/2020	9124164172	01/06/2021	01/06/2021 đến 01/09/2021	3.710.000	Võ Thị Yến Xuân Stk:7790205210415 Ngân Hàng: Agibank	371860468	
12	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Lớp học	Có thời hạn 02 năm	01/12/2019	3420789957	01/06/2021	01/06/2021 đến 01/09/2021	3.710.000		34189002059	Nhận tiền mặt
17.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							2.000.000			
			Thông tin về con và vợ hoặc chồng						Tài khoản của người		

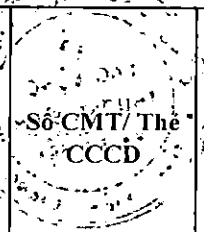
Stt		Thứ tự tại mục 17.1	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1		1	Trần Mỹ San	18/11/2017	Trần Văn Bến	381403170	1.000.000	Nguyễn Thị Bé Thảo STK:0091000575672 Ngân Hàng: Vietcombank	371375310		
2	Dương Thị Huỳnh Thủy	2	Đặng Hoàng Đăng Khôi	11/01/2021	Đặng Hoàng Nghi	83086000009	1.000.000	Dương Thị Huỳnh Thủy STK: 7790205272572 Ngân hàng: Agribank	371370017		
XVIII	TRƯỜNG MẦM NON PHÚC THỊNH						38.390.000				
18.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						33.390.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLD/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Vũ Thị Thùy Duyên	Giáo viên	Không thời hạn	12/01/2020	9408001283	12/5/2021	Từ ngày 12/05/2021 đến 30/08/2021	3.710.000	Vũ Thị Thùy Duyên. STK: 7790231003791 Ngân hàng Agribank Phú Quốc	365516678	
2	Cao Thị Na	Giáo viên	Không thời hạn	01/01/2021	9124105179	12/5/2021	Từ ngày 12/05/2021 đến 30/08/2021	3.710.000		371466470	Nhận tiền mặt
3	Cao Thị Ny	Bảo mẫu	Không thời hạn	01/01/2021	7912171124	12/5/2021	Từ ngày 12/05/2021 đến 30/08/2021	3.710.000		371307743	Nhận tiền mặt
4	Hồ Thị Cẩm Tiên	Giáo viên	Không thời hạn	12/01/2020	9123067467	12/5/2021	Từ ngày 12/05/2021 đến 30/08/2021	3.710.000	Hồ Thị Cẩm Tiên STK: 7790205179270 Ngân hàng Agribank Phú Quốc	371715036	

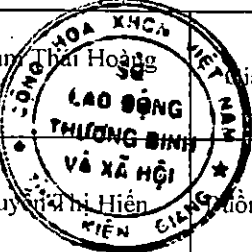
5	Ma Hoài Nhi	Giáo viên	Không thời hạn	12/01/2020	9122489398	12/5/2021	Từ ngày 12/05/2021 đến 30/08/2021	3.710.000	Ma Hoài Nhi STK: 7790231003785 Ngân hàng Agribank Phủ Quốc	371924084	
6	La Mỹ Xuyên	Bảo mẫu	Không thời hạn	12/01/2020	9123097678	12/5/2021	Từ ngày 12/05/2021 đến 30/08/2021	3.710.000	La Mỹ Xuyên. STK: 7790231003812 Ngân hàng Agribank Phủ Quốc	371521350	
7	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Bảo mẫu	Không thời hạn	12/01/2020	9123092149	12/5/2021	Từ ngày 12/05/2021 đến 30/08/2021	3.710.000		370916686	Nhận tiền mặt
8	Lê Thị Dung	Phó Hiệu trưởng	Không thời hạn	12/01/2020	7722652411	12/5/2021	Từ ngày 12/05/2021 đến 30/08/2021	3.710.000	Lê Thị Dung STK: 7790205279457 Ngân hàng Agribank Phủ Quốc	273715107	
9	Hoàng Thị Vân Anh	Giáo viên	Không thời hạn	12/01/2020	9123054346	12/5/2021	Từ ngày 12/05/2021 đến 30/08/2021	3.710.000	Hoàng Thị Vân Anh STK: 7790205100241 Ngân hàng Agribank Phủ Quốc	371807499	
18.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							2.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 18.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Cao Thị Ny	3	Cao Bảo Trân	05/12/2016			1.000.000		371307743	Nhận tiền mặt	
2	La Mỹ Xuyên	6	Lâm Tú Ly	20/7/2016	Lâm Hữu Lợi	371247327	1.000.000	La Mỹ Xuyên. STK: 7790231003812 Ngân hàng Agribank Phủ Quốc	371521350		
18.3	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai							3.000.000			
Stt	Họ và tên			Thứ tự tại mục 18.1			Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú	

1	Cao Thị Nga				2	1.000.000		371466470	Nhận tiền mặt		
2	Cao Thị Dung				3	1.000.000		371307743	Nhận tiền mặt		
3	Lê Thị Dung				8	1.000.000	Lê Thị Dung STK: 7790205279457 Ngân hàng Agribank Phủ Quốc	273715107			
XIX	MÀM NON TƯ THỰC ONG VÀNG					14.840.000					
19.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương					14.840.000					
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Thiên Anh	Lớp học	Có thời hạn (1/5/2020 đến 1/5/2023)	1/5/2020	9116007351	01/6/2021	1/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Thiên Anh (NH Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam. Số TK: 7790205253532)	371733443	
2	Nguyễn Thị Ý Nhi	Lớp học	Có thời hạn (1/5/2020 đến 1/5/2023)	1/5/2020	9116012444	01/6/2021	1/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ý Nhi (NH ACB Số TK: 245087629)	91196001565	
3	Hàng Thị Ngọc Dung	Lớp học	Có thời hạn (1/10/2020 đến 1/10/2024)	1/10/2020	9115012190	01/6/2021	1/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000		371634993	Nhận tiền mặt
4	Phạm Thị Hồng	Lớp học	Có thời hạn (1/5/2021 đến 1/5/2024)	1/5/2021	9115009848	01/6/2021	1/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Phạm Thị Hồng (NH: BIDV Số TK: 75310000156956)	371547274	
XX	CÔNG TY TNHH MTV KIM SƠN PHỦ QUỐC					11.130.000					
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương					11.130.000					

Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	 Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Mô Minh Bình	Kế toán	không xác định thời hạn	07/2018	1700159928	01/07/2021	01/07/2021 đến 31/10/2021	3.710.000	Mô Minh Bình 0091000109923, NH Vietcombank CN Phú Quốc	370664016	
2	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Lê tân	không xác định thời hạn	07/2018	9123128833	01/07/2021	01/07/2021 đến 31/10/2021	3.710.000		371145594	Nhận tiền mặt
3	Lê Thanh Tuấn	Nhân viên	không xác định thời hạn	07/2018	9123966084	01/07/2021	01/07/2021 đến 31/10/2021	3.710.000		371786282	Nhận tiền mặt
XXI	CÔNG TY CP BĐS SYRENA PHÚ QUỐC							4.710.000			
21.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							3.710.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Nguyên Viên	HCNS	Xác định thời hạn 12 tháng	05/01/2021	4813021119	23/07/2021	Từ 23/07/2021 đến 01/09/2021	3.710.000	441000721258 - Vietcombank CN Tân Bình (TK Nguyễn Nguyên Viên)	205589682	
21.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							1.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 21.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	

1	Nguyễn Văn Viên	1	Trương Khôi Vĩ	20/12/2018	Trương Văn Khánh	197195836	1.000.000	441000721258 - Vietcombank CN Tân Bình (Nguyễn Nguyễn Viên)	205589682		
XXII	CÔNG TY TNHH BIM KIÊN GIANG							4.710.000			
22.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							3.710.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trịnh Thị Thảo	HCNS	Xác định thời hạn 24 tháng	28/10/2020	7916134627	20/07/2021	Từ 20/07/2021 đến 01/09/2021	3.710.000	1410103195001 - MBBank CN Bình Dương (TK Trịnh Thị Thảo)	174715111	
22.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							1.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 22.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Trịnh Thị Thảo	1	Hoàng Xuân Nhất	20/02/2019	Hoàng Xuân Ngọc	173825078	1.000.000	1410103195001 - MBBank- CN Bình Dương (Trịnh Thị Thảo)	174715111		
XXIII	CÔNG TY CP XÂY DỰNG HÙNG THẮNG							4.710.000			
23.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							3.710.000			

Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	 Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trà Thị Trúc Linh	HCNS	Xác định thời hạn 24 tháng	03/08/2020	9123690014	20/07/2021	Từ 20/07/2021 đến 01/09/2021	3.710.000	7790205037637 - Agrbank Chi nhánh Phú Quốc (TK Trà Thị Trúc Linh)	371307721	
23.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							1.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 23.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Trà Thị Trúc Linh	1	Nguyễn Trà Thanh Thảo	05/05/2019	Nguyễn Phúc Hải	371084070	1.000.000	7790205037637 - Agribank - CN Phú Quốc (Trà Thị Trúc Linh)	371307721		
XXIV	CÔNG TY TNHH MTV THÁI THÁI HOÀNG GIA							11.130.000			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							11.130.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Phạm Thái Hoàng Đức	Lễ Tân	Hợp đồng không xác định thời hạn	01/03/2016	7910338309	01/08/2021	Từ ngày 01/08/2021 đến ngày 01/10/2021	3.710.000	Phạm Thái Hoàng Đức 0091000140581 Vietcombank - CN Phú Quốc	371070412	



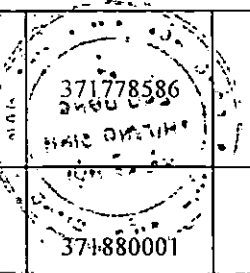
2	Phạm Thái Hoàng Đạt	Giám đốc	Hợp đồng không xác định thời hạn	01/11/2019	9123122991	01/08/2021	Từ ngày 01/08/2021 đến ngày 01/10/2021	3.710.000	Phạm Thái Hoàng Đạt 7790205243805 Agribank - CN Phú Quốc	371307097	
3	Nguyễn Thị Hiền	Quồng Phòng	Hợp đồng không xác định thời hạn	01/11/2019	2709006257	01/08/2021	Từ ngày 01/08/2021 đến ngày 01/10/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hiền 75310000465397 NH BIDV - CN Phú Quốc	125052834	
XXV	HỘ KINH DOANH MẪU GIÁO TỬ THỰC XINH XINH							8.420.000			
25.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							7.420.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Đặng Mỹ Liên	Bảo mẫu	Không xác định thời hạn	01/8/2019	9123692915	14/5/2021	Từ ngày 14/5/2021 đến 20/10/2021	3.710.000	Đặng Mỹ Liên 2226021996 - Ngân hàng Quân Đội, chi nhánh Phú Quốc	371673944	
2	Vũ Thị Ánh Nguyệt	Bảo mẫu	Không xác định thời hạn	01/4/2018	9123072227	14/5/2021	Từ ngày 14/5/2021 đến 20/10/2021	3.710.000	Vũ Thị Ánh Nguyệt 7790205228485 - Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, chi nhánh Phú Quốc	371715906	
25.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							1.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 25.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Vũ Thị Ánh Nguyệt	2	Phạm Minh Khôi	21/11/2018	Phạm Thế Uy	371571504	1.000.000	Vũ Thị Ánh Nguyệt 7790205228485 - Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, chi nhánh Phú Quốc	371715906		

XXVI	CÔNG TY CP & ĐT PHÁT TRIỂN PHÚ QUỐC							438.650.000			
26.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							426.650.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không-lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm).	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMND/Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Hoài Thanh	Bảo Trì	Không xác định thời hạn	28/2/2019	9116011108	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN HOAI THANH 75310000126445 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371811350	
2	Đặng Hoàng Định	Nhà Hàng	Xác định thời hạn - 2 năm	2/1/2021	9123143308	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	DANG HOANG DINH 75310000398925 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371999794	
3	Phạm Thị Diễm Trinh	Nhà Hàng	Không xác định thời hạn	20/10/2020	9122569904	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	PHAM THI DIEM TRINH 75310000227241 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371924217	
4	Huỳnh Giao Tuyên	Nhà Hàng	Không xác định thời hạn	2/1/2021	9114009955	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	HUYNH GIAO TUYEN 75210000079861 BIDV - KIEN GIANG	331738923	
5	Nguyễn Thị Quyên	Nhà Hàng	Xác định thời hạn - 2 năm	8/2/2020	9122079574	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THI QUYEN 75310000306733 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371789998	
6	Cao Đặng Hoàng Hôn	Nhà Hàng	Xác định thời hạn - 2 năm	8/2/2020	9122672348	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	CAO DANG HOANG HON 75310000328117 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371801936	

7	Phan Thị Mông Tiên	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	30/12/2018	9116010703	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	PHAN THI MONG TIEN 75310000118035 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	351529672	
8	Tăng Thị Quên	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	22/11/2019	9116015050	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	TANG THI QUEN 75310000154659 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371605521	
9	Trần Hòa Trí	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	13/9/2020	9122082710	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	TRAN HOA TRI 75310000213684 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371360079	
10	Nguyễn Thị Thùy	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	26/10/2020	9123468067	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THI THUY 75310000229159 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	231457145	
11	Phạm Thị Thanh Thúy	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	27/1/2021	8923150088	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	PHAM THI THANH THUY 75310000253291 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	351785728	
12	Nguyễn Thanh Sang	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	20/6/2021	9122173174	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THANH SANG 75310000284334 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371705449	
13	Đỗ Minh Thiện	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	13/8/2021	9321889251	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	DO MINH THIEN 75310000295512 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	363753100	
14	Nguyễn Hữu Đức	Buồng Phòng	Xác định thời hạn - 2 năm	4/11/2019	9111001056	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN HUU DUC 75310000310567 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371307416	
15	Nguyễn Thị Trúc Ly	Buồng Phòng	Xác định thời hạn - 2 năm	17/3/2020	8923266681	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THI TRUC LY 75310000334442 BIDV.NAM SAI GON	352420354	

16	Phạm Thị Tuyết Nhi	Buồng Phòng	Xác định thời hạn - 2 năm	11/3/2020	8723775544	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	PHAM THI TUYET NHI 75310000334390 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	087196000628	
17	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Buồng Phòng	Xác định thời hạn - 2 năm	22/5/2020	9123696423	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THI QUYNH NHU 75310000343402 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371731751	
18	Võ Văn Định	Bếp	Xác định thời hạn - 1 năm	12/3/2021	9123697504	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	VO VAN DINH 75310000479909 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	372102456	
19	Danh Trường	Bếp	Không xác định thời hạn	2/8/2020	9116023902	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	DANH TRUONG 75310000149026 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371753825	
20	Huỳnh Hoàng Mẫn	Bếp	Không xác định thời hạn	17/9/2020	9121887553	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	HUYNH HOANG MAN 75310000173122 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371526454	
21	Lâm Văn Mẫn	Bếp	Không xác định thời hạn	18/10/2020	9123061623	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	LAM VAN MAN 75310000227223 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371965977	
22	Nguyễn Cẩm Tú	Bếp	Không xác định thời hạn	9/1/2021	9621462072	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN CAM TU 75310000193935 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	381285090	
23	Nguyễn An Khang	Bếp	Không xác định thời hạn	9/1/2021	8322988493	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN AN KHANG 75310000249883 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	321592357	
24	Nguyễn Thị Kim Y	Bếp	Không xác định thời hạn	20/1/2021	8922458406	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THI KIM Y 75310000251046 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	351828064	

25	Nguyễn Minh Sơn	Bếp	Không xác định thời hạn	28/5/2021	9116019517	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN MINH DUONG 75310000281353 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	215442634	
26	Đào Thị My Linh	Bếp	Không xác định thời hạn	19/5/2021	6821821095	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	DAO THI MY LINH 75310000275055 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	251080157	
27	Nguyễn Thị Ngọc Quý	Bếp	Không xác định thời hạn	26/6/2021	9123984937	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THI NGOC QUY 75310000287926 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371891189	
28	Nguyễn An Khang	Bếp	Xác định thời hạn - 2 năm	7/8/2020	9122997772	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN AN KHANG 75310000361918 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371957385	
29	Hà Thị Bích Phượng	Giặt Ủi	Xác định thời hạn - 2 năm	26/9/2021	9108002656	15/5/2021	15/05/2021-01/08/2021	3.710.000	HA THI BICH PHUONG 75310000449461 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	091171000886	
30	Võ Hoài Phong	Bảo Trì	Xác định thời hạn - 2 năm	9/10/2019	9113005108	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	VO HOAI PHONG 75310000305970 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	370974333	
31	Nguyễn Quốc Tiến	Bảo Trì	Xác định thời hạn - 2 năm	28/1/2020	9121948140	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN QUOC TIEN 75310000326148 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371058010	
32	Nguyễn Tấn Đạt	Bảo Trì	Xác định thời hạn - 2 năm	29/8/2021	7514199666	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN TAN DAT 75310000346270 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	351793392	
33	Lê Hữu Quang	Nhà Hàng	Xác định thời hạn - 1 năm	2/3/2021	9116013589	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	LE HUU QUANG 75310000149831 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	174557781	

34	Nguyễn Thị Mỹ Kiều	Nhà Hàng	Không xác định thời hạn	20/9/2020	9122372338	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THI MY KIEU 75310000219284 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG		
35	Đặng Thị Bích Hạnh	Nhà Hàng	Không xác định thời hạn	7/6/2021	9123118700	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	DANG THI BICH HANH 75310000283234 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371880001	
36	Nguyễn Hoàng Thắng	Nhà Hàng	Không xác định thời hạn	7/7/2021	8621741398	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN HOANG THANG 75310000287847 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	331768173	
37	Nguyễn Thoại Bích	Nhà Hàng	Xác định thời hạn - 2 năm	22/3/2020	9122372887	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THOAI BICH 75310000334956 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371546656	
38	Êban H Zuyñ	Nhà Hàng	Xác định thời hạn - 2 năm	16/6/2020	6624394361	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	H ZUYN EBAN 75310000350800 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	241721351	
39	Huỳnh Thanh Tâm	Lễ Tân	Không xác định thời hạn	10/2/2020	9116017373	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	HUYNH THANH TAM 75310000169398 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371670078	
40	Nguyễn Văn Chí Hải	Lễ Tân	Không xác định thời hạn	3/5/2020	9116018562	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN VAN CHI HAI 75310000176617 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	363685723	
41	Nguyễn Kiều Nhựt Minh	Lễ Tân	Không xác định thời hạn	8/11/2020	9321268163	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN KIEU NHUT MINH 75310000232980 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	363722044	

42	Nguyễn Thị Trang	Lễ Tân	Xác định thời hạn - 2 năm	21/2/2020	9122027319	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THI THUY TRANG 75310000327512 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371817004	
43	Đậu Văn Thắng	Lễ Tân	Xác định thời hạn - 2 năm	16/6/2020	9123077007	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	DAU VAN THANG 75310000350785 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371742706	
44	Nguyễn Thị Huệ	Buồng Phòng	Xác định thời hạn - 2 năm	23/9/2021	9123249428	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THI HUE 75310000447571 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371849828	
45	Nguyễn Thị Mười	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	8/10/2019	9116013587	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THI MUOI 75310000149743 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	372048856	
46	Nguyễn Thị Ngà	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	30/1/2020	9116017354	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THI NGAL 75310000167921 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371306814	
47	Võ Thị Huỳnh Như	Buồng Phòng	Xác định thời hạn - 2 năm	23/9/2021	9321166170	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	VO THI HUYNH NHU 75310000375025 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	364181534	
48	Nguyễn Thị Hồng	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	26/8/2020	9123082117	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THI HONG 75310000205742 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371570745	
49	La Phú An	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	11/6/2021	9123975611	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	LA PHU AN 75310000283119 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371902281	
50	Phạm Thị Cẩm Nguyên	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	22/8/2021	8923041102	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	PHAM THI CAM NGUYEN 75310000296807 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	352255816	
51	Phan Thị Ngọc Thảo	Buồng Phòng	Xác định thời hạn - 2 năm	22/3/2020	4620816094	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	PHAN THI NGOC THAO 75310000334965 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	192032291	

52	Nguyễn Ngọc Tâm	Bếp	Không xác định thời hạn	22/4/2021	7911295108	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN NGOC TAM, 75310000118008 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	79088012815	
53	Ngô Châu Quốc Quý	Bếp	Xác định thời hạn - 2 năm	27/9/2021	4621422345	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGO CHAU QUOC QUY 75310000417671 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	046099000268	
54	Lê Ngọc Toàn	Bếp	Không xác định thời hạn	14/12/2018	9114012273	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	LE NGOC TOAN 75310000116279 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	215235412	
55	Đặng Thị Mỹ Huệ	Bếp	Không xác định thời hạn	1/6/2019	9115011506	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	DANG THI MY HUE 75310000131218 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371375761	
56	Trần Thanh Quang	Bếp	Không xác định thời hạn	4/9/2019	9116012821	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	TRAN THANH QUANG 75310000146328 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371715564	
57	Khuu Thanh Tuấn Anh	Bếp	Xác định thời hạn - 2 năm	23/9/2021	9116018375	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	KHUU THANH TUAN ANH 75310000179175 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371616055	
58	Trần Nam Hòa	Bếp	Xác định thời hạn - 2 năm	15/1/2020	9321871651	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	TRAN NAM HOA 75310000322456 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	364109550	
59	Mai Xuân Nhân	Bếp	Xác định thời hạn - 2 năm	29/1/2020	9320879077	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	MAI XUAN NHAN 75310000326184 BIDV,PHUQUOC - BIDV	364043501	
60	Nguyễn Văn Phú	Bếp	Xác định thời hạn - 2 năm	28/4/2020	6623330154	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN VAN PHU 75310000338277 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	241737437	
61	Tăng Thị Phi	Giặt Ủi	Xác định thời hạn - 2 năm	20/9/2021	9116011110	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	TANG THI PHI 75310000123792 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	091173000986	

62	Nguyễn Lộc	Ủi	Xác định thời hạn - 2 năm	20/9/2021	9116017692	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN THI LOC 75310000174833 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	370842994	
63	Cao Thị Hương	Spa	Xác định thời hạn - 1 năm	18/3/2021	3815043572	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	CAO THI HUONG 55810000100862 BIDV,BIDV - BINH DINH	172037689	
64	Dương Thị Mỹ Loan	Spa	Không xác định thời hạn	26/6/2020	9116015508	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	DUONG THI MY LOAN 75310000194488 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	311760577	
65	Đỗ Thị Phương Thoa	Spa	Xác định thời hạn - 2 năm	12/11/2019	5221543478	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	DO THI PHUONG THOA 75310000210588 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	215363635	
66	Nguyễn Quốc Thái	Thể Thao Và Giải Trí	Không xác định thời hạn	26/4/2021	8923515619	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	NGUYEN QUOC THAI 75310000209656 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	352132657	
67	Trần Thị Duyên	Thể Thao Và Giải Trí	Xác định thời hạn - 2 năm	11/11/2019	3520691068	1/6/2021	01/06/2021-01/08/2021	3.710.000	TRAN THI DUYEN 75310000269650 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	168554131	
68	Nguyễn Văn Thoại	Buồng Phòng	Xác định thời hạn - 2 năm	17/9/2020	9124175122	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	NGUYEN VAN THOAI 75310000369949 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371793446	
69	Trần Vĩnh Thắng	It	Xác định thời hạn - 2 năm	6/3/2021	4612010185	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	TRAN VINH THANG 75310000487674 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	191600317	
70	Trần Văn Bình	Bếp	Xác định thời hạn - 2 năm	26/9/2021	7715009129	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	TRAN VAN BINH 75310000169404 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	034093003113	

71	Trần Văn Cận	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	30/12/2018	9116010705	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	TRAN VAN CAN 75310000117829 BIDV,PHU QUOC KIEN GIANG	372032918	
72	Phạm Ngọc Ngân Mai	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	5/3/2021	9221862658	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	PHAM NGOC NGAN MAI 74110000369119 BIDV,BIDV - CAN THO	362414584	
73	Nguyễn Thị Minh Mẫn	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	16/8/2021	9123233052	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	NGUYEN THI MINH MAN 73610000166969 BIDV,BIDV - CAN THO	371762052	
74	Nguyễn Thị Bảo Trâm	Lễ Tân	Không xác định thời hạn	5/11/2020	9115013789	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	NGUYEN THI BAO TRAM 75310000229070 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	362364632	
75	Lê Huỳnh Như	Lễ Tân	Xác định thời hạn - 2 năm	17/3/2020	7915077986	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	LE HUYNH NHU 75310000334415 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	079193001600	
76	Nguyễn Hữu Giàu	Giặt Ủi	Xác định thời hạn - 1 năm	28/3/2021	9116023899	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	NGUYEN HUU GIAU 75310000201096 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	352166610	
77	Trần Thị Bé Hiệp	Nhân Sự	Xác định thời hạn - 2 năm	5/1/2021	9122577904	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	TRAN THI BE HIEP 75310000398873 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	370950612	
78	Nguyễn Văn Trí	Giặt Ủi	Không xác định thời hạn	27/1/2021	9123047745	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	NGUYEN VAN TRI 75310000253264 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371878870	
79	Phạm Công Ôn	Bảo Vệ	Không xác định thời hạn	22/4/2020	9116018545	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	PHAM CONG ON 75310000182012 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	350938670	
80	Trần Văn Trúc	Bảo Vệ	Xác định thời hạn - 1 năm	1/1/2021	9222918057	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	TRAN VAN TRUC 75310000472388 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	092070000767	

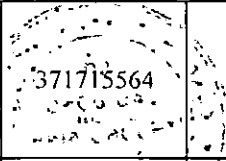
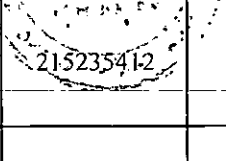
81	Trần Thị Quỳnh Như	Thủ Thao Và Giữ Trì	Không xác định thời hạn	25/1/2019	9116010983	1/8/2021	01/08/2021- 01/09/2021	3.710.000	TRAN THI QUYNH NHU 75310000122124 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371521976	
82	Nguyễn Thị Tuy Vân	Nhân Sự	Không xác định thời hạn	18/2/2019	9116011119	1/8/2021	01/08/2021- 01/09/2021	3.710.000	NGUYEN THI TUYET VAN 75310000122984 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	370766660	
83	Mai Ngọc Hoa	Nhân Sự	Không xác định thời hạn	5/8/2020	9116023903	1/8/2021	01/08/2021- 01/09/2021	3.710.000	MAI NGOC HOA 75310000201324 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	385854446	
84	Nguyễn Minh Nhân	Nhân Sự	Không xác định thời hạn	18/12/2020	9115011289	1/8/2021	01/08/2021- 01/09/2021	3.710.000	NGUYEN MINH NHAN 75310000244815 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371705184	
85	Danh Thị Bích Diễm	Nhân Sự	Không xác định thời hạn	18/6/2021	9123571923	1/8/2021	01/08/2021- 01/09/2021	3.710.000	DANH THI BICH DIEM 75310000187886 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	089192019686	
86	Trương Thị Út Thủy	Nhân Sự	Xác định thời hạn - 2 năm	1/12/2020	9123151552	1/8/2021	01/08/2021- 01/09/2021	3.710.000	TRUONG THI UT THUY 75310000390903 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371120824	
87	Nguyễn Thị Gái	Nhân Sự	Không xác định thời hạn	1/2/2020	9116017359	1/8/2021	01/08/2021- 01/09/2021	3.710.000	NGUYEN THI GAI 75310000155935 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371336503	
88	Nguyễn Thanh Phong	Bảo Trì	Xác định thời hạn - 1 năm	5/1/2021	9113010086	1/8/2021	01/08/2021- 01/09/2021	3.710.000	NGUYEN THANH PHONG 75310000472360 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	370916014	
89	Tăng Bá Huy	Bảo Trì	Xác định thời hạn - 1 năm	10/7/2021	9116017705	1/8/2021	01/08/2021- 01/09/2021	3.710.000	TANG BA HUY 75310000174310 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	215215056	

90	Nguyễn Công Nghiệp	Bảo Trì	Xác định thời hạn - 2 năm	30/7/2020	9122130657	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	NGUYEN CONG NGHIEP 75310000361875 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371759336	
91	Lâm Chí Dện	Bảo Trì	Xác định thời hạn - 2 năm	26/9/2021	9116018554	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	LAM CHI DEN 75310000183866 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371715771	
92	Nguyễn Duy Khương	Buồng Phòng	Không xác định thời hạn	10/5/2021	9622929413	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	NGUYEN DUY KHUONG 75310000275134 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	381410201	
93	Đoàn Quốc Bảo	Kế Toán	Xác định thời hạn - 2 năm	21/2/2020	9112001121	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	DOAN QUOC BAO 75310000328199 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	370963111	
94	Nguyễn Thị Kim Sơn	Kế Toán	Xác định thời hạn - 2 năm	3/9/2020	9122179541	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	NGUYEN THI KIM SON 75310000367493 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371887723	
95	Nguyễn Thành Long	Bảo Trì	Xác định thời hạn - 2 năm	30/9/2020	9121955872	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	NGUYEN THANH LONG 75310000372497 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371903701	
96	Nguyễn Văn Mạnh	Bao Trì	Không xác định thời hạn	7/4/2020	9116018366	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	NGUYEN VAN MANH 75310000177948 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	341800705	
97	Hồ Lý Tường	Buồng Phòng	Xác định thời hạn - 2 năm	29/12/2020	4616017122	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	HO LY TUONG 75310000396275 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	192056276	
98	Ngô Thị Bích Thủy	Nhân Sự	Xác định thời hạn - 2 năm	28/1/2020	8023567959	1/8/2021	01/08/2021-01/09/2021	3.710.000	NGO THI BICH THUY 31510001100615 BIDV, BIDV - GIA DINH - HO CHI MINH	300810421	

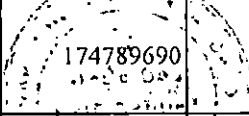
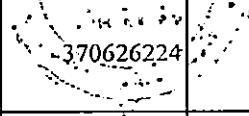
99	Lâm Thị Xuân	Bếp	Không xác định thời hạn	8/7/2020	9116019941	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	LAM THI XUAN 75310000194460 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	261267580	
100	Nguyễn Văn Lâm	Bụng Phòng	Xác định thời hạn - 2 năm	26/9/2021	9116010708	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	NGUYEN VAN LAM 75310000449498 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	372048013	
101	Mai Quốc Thanh	It	Không xác định thời hạn	1/8/2021	8923184589	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	MAI QUOC THANH 75310000295752 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	352175123	
102	Dương Vũ Luân	Bảo Vệ	Không xác định thời hạn	10/2/2020	9116017375	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	DUONG VU LUAN 75310000169370 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371731792	
103	Nguyễn Văn Chính	Nhân Sự	Không xác định thời hạn	21/8/2021	9124036942	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	NGUYEN VAN CHINH 75310000300878 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	370267577	
104	Đỗ Thị Bích Trâm	Nhân Sự	Xác định thời hạn - 2 năm	8/2/2020	9321926916	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	DO THI BICH TRAM 75310000328108 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	363604844	
105	Hồ Ngọc Diệp	Nhân Sự	Xác định thời hạn - 2 năm	12/1/2021	9123784150	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	HO NGOC DIEP 75310000399849 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	370912297	
106	Lê Thị Cẩm Nhung	Nhân Sự	Không xác định thời hạn	4/1/2019	9116010699	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	LE THI CAM NHUNG 75310000117838 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	272034114	
107	Nguyễn Mạnh Hùng	Nhân Sự	Không xác định thời hạn	27/8/2020	6623097967	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	NGUYEN MANH HUNG 75310000205627 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	241212836	
108	Nguyễn Minh Trí	Bảo Trì	Không xác định thời hạn	23/11/2018	9116010645	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	NGUYEN MINH TRI 75310000050599 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371474596	

109	Nguyễn Thị Thùy Trang	Bảo Trì	Xác định thời hạn - 2 năm	29/8/2021	8923918748	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	NGUYEN THI THUY TRANG 75310000440622 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	351644310	
110	Nguyễn Minh Sáng	Bảo Trì	Xác định thời hạn - 1 năm	5/1/2021	3720638969	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	NGUYEN MINH SANG 75310000472351 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	164084505	
111	Phan Tấn Đạt	Bảo Trì	Không xác định thời hạn	12/9/2020	9121743605	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	PHAN TAN DAT 75310000213718 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371488730	
112	Võ Thế An	Bảo Trì	Không xác định thời hạn	8/11/2020	9321146169	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	VO THE AN 75310000200145 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	363566722	
113	Nguyễn Thanh Yên	Bảo Trì	Không xác định thời hạn	21/6/2021	0115189471	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	NGUYEN THANH YEN 75310000102649 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	371838911	
114	Lý Nhật Cường	Bảo Trì	Xác định thời hạn - 2 năm	10/11/2019	4520650409	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	LY NHAT CUONG 75310000313043 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	197241398	
115	Ngô Đình Hoàng	Bảo Trì	Xác định thời hạn - 2 năm	22/3/2020	4421006369	4/9/2021	04/09/2021-06/10/2021	3.710.000	NGO DINH HOANG 75310000334938 BIDV,PHU QUOC - KIEN GIANG	194226517	
26.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai							1.000.000			
Stt	Họ và tên		Thứ tự tại mục 26.1				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú	
1	Lâm Thị Xuân		99				1.000.000	LAM THI XUAN 75310000194460 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	261267580		

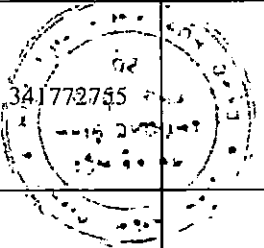
26.3	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em					11.000.000			
Stt	Họ và tên người lao động	Số thẻ BHYT	Thông tin về con và vợ hoặc chồng			Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2				
1	Trần Hòa Trí	9	Trần Hòa Thịnh	27/09/2020	Lý Thị Ân	371091535	1.000.000	TRAN HOA TRI 75310000213684 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371360079
2	Nguyễn Minh Nhân	84	Nguyễn Trần Khôi Nguyên	26/04/2021	Trần Hồng Ngọc	331833220	1.000.000	NGUYEN MINH NHAN 75310000244815 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371705184
3	Đoàn Quốc Bảo	93	Đoàn Ngọc Linh Đan	18/01/2020	Lục Ngọc Diễm	371042841	1.000.000	DOAN QUOC BAO 75310000328199 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	370963111
4	Nguyễn Thị Ngà	46	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	2/9/2019	không có	không có	1.000.000	NGUYEN THI NGAL 75310000167921 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371306814
5	Nguyễn Thị Quỳnh Như	17	Huỳnh Thanh Quốc	15/04/2016	Huỳnh Quốc Dương	371731675	1.000.000	NGUYEN THI QUYNH NHU 75310000343402 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371731751
6	Nguyễn Thị Quỳnh Như	17	Huỳnh Quốc Quý	15/11/2020	Huỳnh Quốc Dương	371731675	1.000.000	NGUYEN THI QUYNH NHU 75310000343402 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371731751
7	Huỳnh Hoàng Mẫn	20	Huỳnh Thái Vi	29/10/2020	Trần Mai Thúy Diễm	371337718	1.000.000	HUYNH HOANG MAN 75310000173122 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371526454

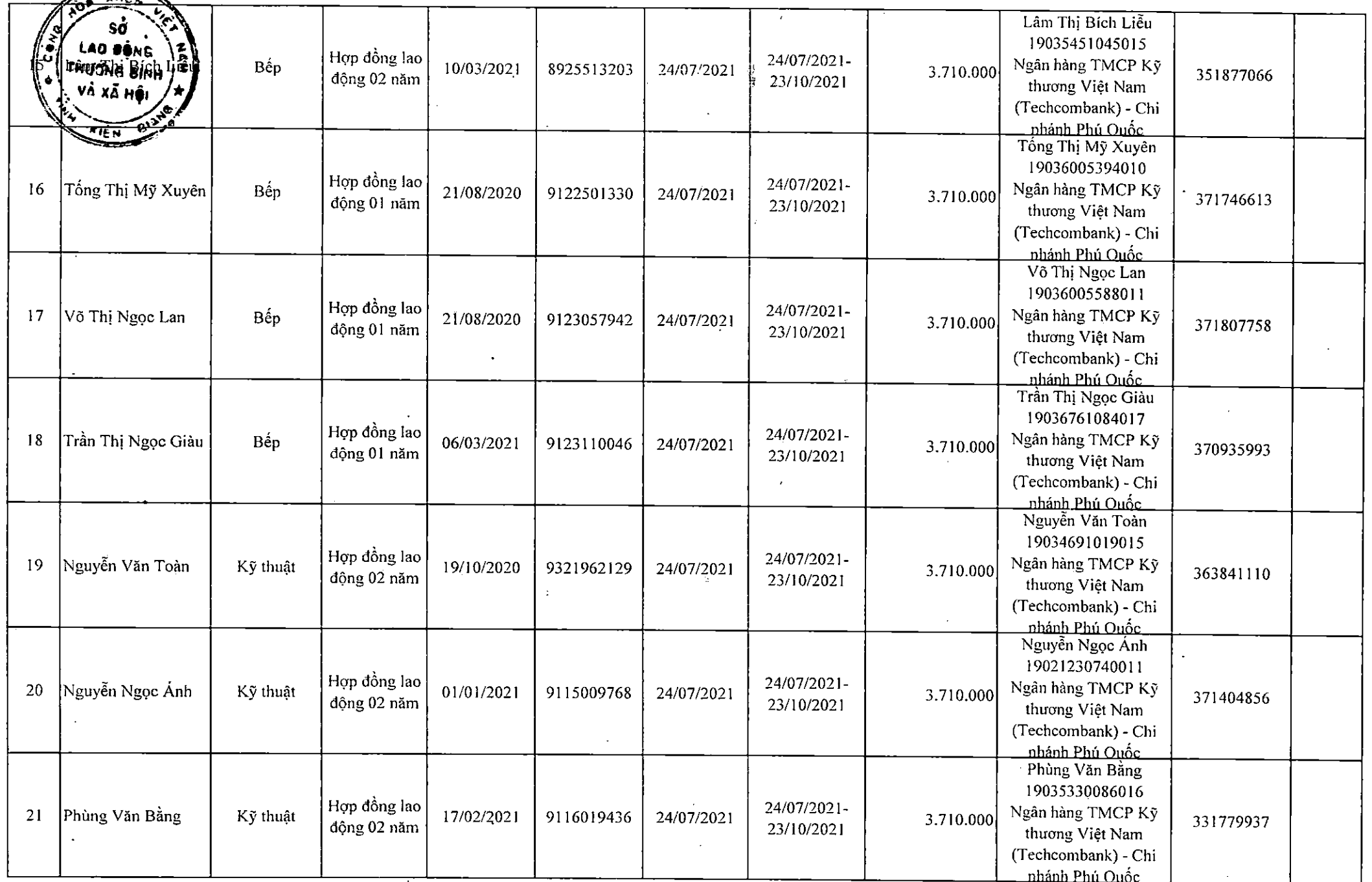
8	Trần Thanh Quang	56	Trần Gia Huy	7/12/2020	Tường Thanh Tuyền	371731238	1.000.000	TRAN THANH QUANG 75310000146328 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG			
9	Lê Ngọc Toàn	54	Lê Ngọc Nhà Uyên	10/9/2019	Đặng Thị Mỹ Huệ	371375761	1.000.000	LE NGOC TOAN 75310000116279 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG			
10	Nguyễn Thị Ngọc Quý	27	Phạm Ngọc Bảo Trân	02/5/2019	Phạm Văn An	371634803	1.000.000	NGUYEN THI NGOC QUY 75310000287926 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	371891189		
11	Nguyễn Ngọc Tâm	52	Nguyễn Lâm Gia Bảo	05/10/2017	Lâm Thị Hương	261134605	1.000.000	NGUYEN NGOC TAM 75310000118008 BIDV, PHU QUOC - KIEN GIANG	79088012815		
XXVII	CÔNG TY TNHH MTV PHÚ SING						7.420.000				
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						7.420.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trần Mỹ Ngọc	Nhân viên kế toán	Không thời hạn	10/01/2014	9114010911	1/8/2021	01/08/2021 đến 31/12/2021	3.710.000	Trần Mỹ Ngọc, 75310000026572 - NH BIDV Phú Quốc	371673237	
2	Văn Thị Thảo	Nhân viên bán hàng	Không thời hạn	05/01/2016	9211012572	1/8/2021	01/08/2021 đến 31/12/2021	3.710.000	Văn Thị Thảo, 19031935901999 - NH Techcombank Phú Quốc	365514799	
XXVII	CÔNG TY TNHH MTV KHU DU LỊCH TRƯỜNG LINH PHÚ QUỐC						3.710.000				
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						3.710.000				

Stt		Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Huy Hoàng	Nhân viên lễ tân	Không thời hạn	12/01/2016	9116014889	07/01/2021	01/07/2021 đến 31/12/2021	3.710.000	Nguyễn Huy Hoàng, 250686888888 - NH ACB Phú Quốc	135648245	
XXIX	NHÓM, LỚP MÀM NON NĂNG KHIẾU BÁN TRÚ NHÀ THIẾU NHI							35.390.000			
29.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							33.390.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Lữ Thị Hậu	Nhóm, lớp Mầm non	Có thời hạn	01/8/2017	9122100667	01/07/2021	01/7/2021-30/8/2021	3.710.000	Lữ Thị Hậu, 75310000156220, BIDV chi nhánh Phú Quốc	371800724	
2	Trần Thị Nhung	Nhóm, lớp Mầm non	Có thời hạn	01/7/2019	9116013537	01/07/2021	01/7/2021-30/8/2021	3.710.000	Trần Thị Nhung, 75310000152556, BIDV chi nhánh Phú Quốc	241466506	
3	Trần Thị Thảo	Nhóm, lớp Mầm non	Có thời hạn	01/6/2019	7516173788	01/07/2021	01/7/2021-30/8/2021	3.710.000	Trần Thị Thảo, 75310000349455, BIDV chi nhánh Phú Quốc	285885135	
4	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nhóm, lớp Mầm non	Có thời hạn	01/6/2018	9123053469	01/07/2021	01/7/2021-30/8/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thanh Thúy, 75310000291194, BIDV chi nhánh Phú Quốc	371485887	
5	Nguyễn Mỹ Hồng	Nhóm, lớp Mầm non	Có thời hạn	01/6/2019	9123692603	01/07/2021	01/7/2021-30/8/2021	3.710.000	Nguyễn Mỹ Hồng, 75310000339979, BIDV chi nhánh Phú Quốc	371694218	

6	Lê Thị Linh	Nhóm, lớp Mầm non	Có thời hạn	01/4/2021	3822024801	01/07/2021	01/7/2021-30/8/2021	3.710.000	Lê Thị Linh, 75310000492377, BIDV chi nhánh Phú Quốc		
7	Trần Thị Diệu Thảo	Nhóm, lớp Mầm non	Có thời hạn	01/6/2019	9116013683	01/07/2021	01/7/2021-30/8/2021	3.710.000	Trần Thị Diệu Thảo, 75310000349145, BIDV chi nhánh Phú Quốc		
8	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nhóm, lớp Mầm non	Có thời hạn	01/1/2018	8922591959	01/07/2021	01/7/2021-30/8/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ngọc Diễm, 75310000334822, BIDV chi nhánh Phú Quốc		350821051
9	Nguyễn Thị Thắm	Nhóm, lớp Mầm non	Có thời hạn	01/9/2017	9123608879	01/07/2021	01/7/2021-30/8/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thắm, 75310000495172, BIDV chi nhánh Phú Quốc		371439310
29.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							2.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 29.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Trần Thị Nhung	2	Võ Trần Hoàng Yến	26/09/2020	Võ Hoàng Ân	371212527	1.000.000	Trần Thị Nhung, 75310000152556, BIDV chi nhánh Phú Quốc	241466506		
2	Trần Thị Thảo	3	Nguyễn Thị Bảo An	17/02/2018	Nguyễn Văn Linh	372109786	1.000.000	Trần Thị Thảo, 75310000349455, BIDV chi nhánh Phú Quốc	285885135		
XXX	CÔNG TY CP NGÔI SAO CỦA DƯƠNG							347.770.000			
30.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							322.770.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú

1		Tài chính kế toán	Hợp đồng lao động 02 năm	21/01/2021	7912094654	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Trần Hoàng Ly 19034949883011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	3715021206	
2	Trương Thị Phương Thái	Tài chính kế toán	Hợp đồng lao động 01 năm	24/04/2021	9123113475	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Trương Thị Phương Thái 19036832466013 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371673227	
3	Nguyễn Yến Nhi	Tài chính kế toán	Hợp đồng lao động 01 năm	27/06/2021	9315000852	24/08/2021	24/08/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Yến Nhi 19037131443015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	092191000752	
4	Lê Mỹ Nhân	Tài chính kế toán	Hợp đồng lao động 01 năm	28/10/2020	9123053368	24/07/2021	24/07/2021-23/08/2021	3.710.000	Lê Mỹ Nhân 19036318650018 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371679974	
5	Nguyễn Vũ Phong	IT	Hợp đồng lao động 02 năm	15/12/2020	9108008850	24/07/2021	24/07/2021-23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Vũ Phong 19035036730012 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371307924	
6	Lê Duy Linh	IT	Hợp đồng lao động 02 năm	25/01/2020	9213012937	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Lê Duy Linh 19035578751016 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	092087003869	
7	Lê Văn Nguyễn	Bếp	Hợp đồng lao động 02 năm	29/01/2021	9114011606	24/07/2021	24/07/2021-23/09/2021	3.710.000	Lê Văn Nguyễn 19031021552015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371673499	

8	Nguyễn Thị Thảo Vi	Bếp	Hợp đồng lao động 01 năm	10/05/2021	9121674456	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thảo Vi 19030973654028 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc		
9	Nguyễn Thị Hồng Xuân	Bếp	Hợp đồng lao động 02 năm	11/04/2021	9116011237	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hồng Xuân 19034736680011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371020546	
10	Nguyễn Thị Nhí	Bếp	Hợp đồng lao động 02 năm	11/05/2021	8422429063	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Nhí 19035402224011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	334725535	
11	Lê Tuấn Linh	Bếp	Hợp đồng lao động 02 năm	15/09/2020	5611622300	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Lê Tuấn Linh 19022319259011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	082105077	
12	Lư Huê Trần	Bếp	Hợp đồng lao động 01 năm	15/02/2021	9123827976	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Lư Huê Trần 19036638612017 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	352528262	
13	Nguyễn Duy Quân	Bếp	Hợp đồng lao động 02 năm	03/12/2020	9114010856	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Duy Quân 19035036734018 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371611260	
14	Lê Hồng Hậu	Bếp	Hợp đồng lao động 01 năm	20/09/2020	9122265874	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Lê Hồng Hậu 19036234262012 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371641193	

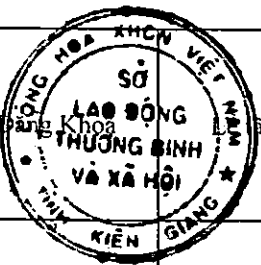


22	Trần Hoàng Sơn	Kỹ thuật	Hợp đồng lao động 02 năm	17/03/2021	9123058605	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Trần Hoàng Sơn 19035724945014 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371808160	
23	Huỳnh Quốc Việt	Kỹ thuật	Hợp đồng lao động 01 năm	10/12/2020	9123120990	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Huỳnh Quốc Việt 19035766097013 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371507352	
24	Đặng Thanh Bình	Kỹ thuật	Hợp đồng lao động 01 năm	06/12/2020	9123129995	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Đặng Thanh Bình 19036412660019 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371694450	
25	Ngô Văn Bình	Kỹ thuật	Hợp đồng lao động 01 năm	20/12/2020	9115013719	24/07/2021	24/07/2021-23/09/2021	3.710.000	Ngô Văn Bình 19036540798015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371673071	
26	Nguyễn Sơn Hà	Kỹ thuật	Hợp đồng lao động 01 năm	08/02/2021	7937917818	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Sơn Hà 677704060010708 Ngân hàng Quốc tế VIB Rạch Sỏi	021794682	
27	Nguyễn Văn Tuyên	Kỹ thuật	Hợp đồng lao động 01 năm	02/04/2021	5306004219	24/07/2021	24/07/2021-23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Tuyên 19036835153016 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371570012	
28	Vũ Minh Thắng	Nhà hàng	Hợp đồng lao động 02 năm	26/04/2021	9123751725	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Vũ Minh Thắng 19035243773015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371690526	



29	Hồ Quốc	Nhà hàng	Hợp đồng lao động 01 năm	07/08/2020	9122171351	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Hồ Quốc Toàn 19035682042019 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371761365	
30	Trần Lâm Kha	Nhà hàng	Hợp đồng lao động 01 năm	06/12/2020	7221202625	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Trần Lâm Kha 19036442598016 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	091200000100	
31	Nguyễn Quốc Hồng	Nhà hàng	Hợp đồng lao động 01 năm	22/01/2021	9123421692	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Quốc Hồng 19035540602017 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371502277	
32	Võ Hoàng Như Ý	Nhà hàng	Hợp đồng lao động 01 năm	24/02/2021	9123692298	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Võ Hoàng Như Ý 19036650860018 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371899019	
33	Nguyễn Quang Vũ	Nhà hàng	Hợp đồng lao động 02 năm	13/02/2021	4920137440	24/07/2021	24/07/2021-23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Quang Vũ 19034898170015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Tây Ninh	205399034	
34	Nguyễn Thị Phương Quyên	Nhà hàng	Hợp đồng lao động 01 năm	15/08/2020	9123694212	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Phương Quyên 19035429691019 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371786351	
35	Hồ Minh Phương	Nhà hàng	Hợp đồng lao động 01 năm	02/12/2020	8922605299	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Hồ Minh Phương 19022157929016 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	352084898	

36	Trương Quốc Tài	Nhà hàng	Hợp đồng lao động 01 năm	06/02/2021	7938728799	24/07/2021	24/07/2021-23/09/2021	3.710.000	Trương Quốc Tài 19036670912014 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	352468278	
37	Trần Thị Ngọc Bích	Nhà hàng	Hợp đồng lao động 02 năm	04/05/2021	8622087867	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Trần Thị Ngọc Bích 19035451310010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	331381559	
38	Lương Thành Nhân	Nhà hàng	Hợp đồng lao động 01 năm	08/02/2021	9116014698	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Lương Thành Nhân 19036630957015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	079093005122	
39	Huỳnh Ngọc Thanh	Nhà hàng	Hợp đồng lao động 01 năm	08/03/2021	7916542685	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Huỳnh Ngọc Thanh 19036741767010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	341726914	
40	Nguyễn Hoàng Quốc	Nhà hàng	Hợp đồng lao động 01 năm	26/03/2021	9750240101	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Quốc 19035444272014 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	251030537	
41	Phạm Yến Linh	Lễ tân	Hợp đồng lao động 02 năm	01/06/2021	7936747359	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Phạm Yến Linh 19035418516010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	025091579	
42	Trần Toàn	Lễ tân	Hợp đồng lao động 01 năm	29/11/2020	9114001685	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Trần Toàn 19036380420010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371606870	



43	Đặng Đăng Khoa	Lễ tân	Hợp đồng lao động 01 năm	14/12/2020	7912231812	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Đặng Đăng Khoa 19036412471011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	024518444	
44	Trần Thị Hải Quỳnh	Lễ tân	Hợp đồng lao động 01 năm	10/05/2021	8021589820	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Trần Thị Hải Quỳnh 19029116787015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Long An	301654850	
45	Nguyễn Trọng Tâm	Lễ tân	Hợp đồng lao động 01 năm	11/12/2020	9115012229	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Trọng Tâm 19035593137014 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	352101550	
46	Lâm Chấn Oai	Lễ tân	Hợp đồng lao động 01 năm	04/03/2021	7916372668	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Lâm Chấn Oai 19136455926017 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Bình Phú	079093012106	
47	Trần Huyền Kim	Lễ tân	Hợp đồng lao động 01 năm	25/05/2021	5620084703	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Trần Huyền Kim 19034464441010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Nha Trang Khánh Hòa	225599748	
48	Phương Quốc Khương	Lễ tân	Hợp đồng lao động 01 năm	27/04/2021	9116019879	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Phương Quốc Khương 19036801199017 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371786663	
49	Lê Thị Mộng Thúy	Lễ tân	Hợp đồng lao động 01 năm	29/05/2021	9116013743	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Lê Thị Mộng Thúy 19036805517013 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371700707	

50	Trương Ngọc Nhân	Lễ tân	Hợp đồng lao động 01 năm	01/01/2021	8925405500	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Trương Ngọc Nhân 19036467852014 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	352163155	
51	Nguyễn Hữu Lý	Lễ tân	Hợp đồng lao động 01 năm	15/04/2021	8923968765	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Hữu Lý 19034873911010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	352666827	
52	Phạm Quốc Thịnh	Lễ tân	Hợp đồng lao động 02 năm	25/03/2021	8925672946	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Phạm Quốc Thịnh 19035395109013 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	352294703	
53	Diệp Thị Tuyết Nương	Buồng phòng	Hợp đồng lao động 02 năm	04/08/2020	9114012002	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Diệp Thị Tuyết Nương 19034510657015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371440358	
54	Nguyễn Thị Hải	Buồng phòng	Hợp đồng lao động 01 năm	24/05/2021	9116011112	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hải 19036818099016 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371878738	
55	Nguyễn Thị Kiều	Buồng phòng	Hợp đồng lao động 01 năm	15/11/2020	9123903135	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kiều 19035685331011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371474565	
56	Lê Quốc Mạnh	Buồng phòng	Hợp đồng lao động 02 năm	14/03/2021	9116010659	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Lê Quốc Mạnh 19035036742010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	363595741	

57	Đặng Thị Hiền	Buồng phòng	Hợp đồng lao động 02 năm	08/02/2021	9113009518	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Đặng Thị Hiền 19035330103018 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	370903564	
58	Lê Hoàng Phi	Buồng phòng	Hợp đồng lao động 02 năm	11/07/2021	9115011174	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Lê Hoàng Phi 19035570188010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	352129809	
59	Hà Việt Tiến	Buồng phòng	Hợp đồng lao động 02 năm	24/08/2020	9116012130	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Hà Việt Tiến 19034510670011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	215224969	
60	Nguyễn Thanh Tâm	Buồng phòng	Hợp đồng lao động 01 năm	26/10/2020	9115009622	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Tâm 19034879189015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371717533	
61	Trần Thị Dư	Cảnh quan	Hợp đồng lao động 02 năm	05/04/2021	9123055193	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Trần Thị Dư 19035316724018 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371786730	
62	Trần Thị Gái	Cảnh quan	Hợp đồng lao động 01 năm	24/01/2021	9123062089	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Trần Thị Gái 19036644601019 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371375696	
63	Phan Nhật Linh	Cảnh quan	Hợp đồng lao động 01 năm	23/01/2021	9124036520	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Phan Nhật Linh 19036763641010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371805229	

64	Nguyễn Văn Phộ	Cảnh quan	Hợp đồng lao động 01 năm	23/01/2021	9123240265	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Phộ 19036649455010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	370555446	
65	Đinh Thị Phương Uyên	Marketing	Hợp đồng lao động 02 năm	24/12/2020	7526804742	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Đinh Thị Phương Uyên 19034748196016 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Hồ Chí Minh	272387227	
66	Nguyễn Trọng Huy	Marketing	Hợp đồng lao động 02 năm	09/03/2021	5820716420	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Trọng Huy 19033881616013 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Hồ Chí Minh	264417997	
67	Đào Phương Thảo	Marketing	Hợp đồng lao động 02 năm	01/02/2021	7912361459	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Đào Phương Thảo 19035043280014 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Hồ Chí Minh	371496444	
68	Nguyễn Lê Hà Uyên	Marketing	Hợp đồng lao động 02 năm	21/02/2021	7915028487	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Lê Hà Uyên 19028764141019 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Hồ Chí Minh	281032885	
69	Nguyễn Quốc Việt	Giải trí	Hợp đồng lao động 02 năm	14/02/2021	9115010685	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Quốc Việt 19035079121011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	370905740	
70	Lê Thị Tường Vi	Giải trí	Hợp đồng lao động 01 năm	01/11/2020	8912009338	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Lê Thị Tường Vi 19036316468026 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	351644376	

71	Trần Quốc Đạt	Giải trí	Hợp đồng lao động 01 năm	04/04/2021	9116012436	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Trần Quốc Đạt 19036845410017 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	352179885	
72	Huỳnh Thanh Kha	Giải trí	Hợp đồng lao động 01 năm	24/02/2021	9123086715	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Huỳnh Thanh Kha 19036744389017 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371715404	
73	Nguyễn Văn Lai	Giải trí	Hợp đồng lao động 01 năm	06/03/2021	9123063596	24/07/2021	24/07/2021-23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Lai 19036758783011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371742210	
74	Nguyễn Thủy Tiên	Giải trí	Hợp đồng lao động 02 năm	28/04/2021	9123909787	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Thủy Tiên 19035045818011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	370926298	
75	Lê Thị Kiều Oanh	Đặt phòng	Hợp đồng lao động 02 năm	30/03/2021	9115009951	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Lê Thị Kiều Oanh 19035297946012 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371466769	
76	Trần Thị Mỹ Duyên	Đặt phòng	Hợp đồng lao động 02 năm	03/06/2021	6822976475	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Trần Thị Mỹ Duyên 19035613924018 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	251059427	
77	Nguyễn Thị Kim Chi	Kinh doanh	Hợp đồng lao động 02 năm	22/02/2021	7911301358	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kim Chi 19035152538013 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Hồ Chí Minh	301309392	



78	Phan Tiến Đạt	Kinh doanh	Hợp đồng lao động 02 năm	31/03/2021	7914098316	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Phan Tiến Đạt 19033180535019 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Hồ Chí Minh	079091008273	
79	Đặng Thị Thu Trang	Kinh doanh	Hợp đồng lao động 02 năm	15/04/2021	0120462016	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Đặng Thị Thu Trang 19035403779015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Hà Nội	013554269	
80	Trần Mỹ Trang	Kinh doanh	Hợp đồng lao động 01 năm	03/10/2020	0115035115	24/07/2021	24/07/2021-23/09/2021	3.710.000	Trần Mỹ Trang 19036316854015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Hà Thành	168073242	
81	Nguyễn Lan Hương	Kinh doanh	Hợp đồng lao động 02 năm	07/06/2021	7916455838	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Lan Hương 19026576428022 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	001194013293	
82	Hà Lê Phú Phước	Tài năng và Văn hóa	Hợp đồng lao động 02 năm	26/12/2020	7912149695	24/07/2021	24/07/2021-23/09/2021	3.710.000	Hà Lê Phú Phước 19034510648016 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	363605646	
83	Nguyễn Long	Bếp	Hợp đồng lao động 02 năm	06/04/2021	4814022471	24/09/2021	24/09/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Long 19035284087010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Đà Nẵng	205534824	
84	Nguyễn Thái Thành	Giải trí	Hợp đồng lao động 01 năm	14/12/2021	0116001151	24/09/2021	24/09/2021-23/10/2021	3.710.000	Nguyễn Thái Thành 19034290220011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	001092024377	

85	 Huỳnh Kim Tuyến	Giải tửu	Hợp đồng lao động 01 năm	08/02/2021	8922307370	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Huỳnh Kim Tuyến 19036670525010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	352167950	
86	Bùi Thị Kim Yến	Giải trí	Hợp đồng lao động 02 năm	23/05/2021	9116023764	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Bùi Thị Kim Yến 19035613930018 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	312405707	
87	Phan Mỹ Nhung	Nhà hàng	Hợp đồng lao động 01 năm	20/12/2020	9121833476	24/07/2021	24/07/2021-23/10/2021	3.710.000	Phan Mỹ Nhung 19036445681011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371769839	
30.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai							2.000.000			
Stt	Họ và tên		Thứ tự tại mục 30.1				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú	
1	Lê Thị Kiều Oanh		75				1.000.000	Lê Thị Kiều Oanh 19035297946012 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371466769		
2	Lư Huế Trân		12				1.000.000	Lư Huế Trân 19036638612017 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	352528262		
30.3	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							23.000.000			
			Thông tin về con và vợ hoặc chồng					Tài khoản của người			

Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 30.1	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trương Thị Phương Thái	2	Nguyễn Nhật Phương	25/10/2019	Nguyễn Đức Nghĩa	371715486	1.000.000	Trương Thị Phương Thái 19036832466013 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371673227	
2	Nguyễn Yến Nhi	3	Huỳnh Quốc Hạo Nhiên	25/03/2018	Huỳnh Quốc Biên	096090000021	1.000.000	Nguyễn Yến Nhi 19037131443015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	092191000752	
3	Lê Văn Nguyễn	7	Lê Trần An Nhiên	19/09/2019	Trần Thị Liên	371634743	1.000.000	Lê Văn Nguyễn 19031021552015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371673499	
4	Lê Tuấn Linh	11	Lê Gia Phú	24/07/2017	Nguyễn Vũ Phương Dung	225354718	1.000.000	Lê Tuấn Linh 19022319259011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	082105077	
5	Lư Huế Trân	12	Huỳnh Lư Cát Tường	04/02/2018	Huỳnh Văn Tĩnh	371742531	1.000.000	Lư Huế Trân 19036638612017 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	352528262	
6	Nguyễn Duy Quân	13	Huỳnh Anh	12/01/2018	Huỳnh Ngọc Tài	371521489	1.000.000	Nguyễn Duy Quân 19035036734018 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371611260	

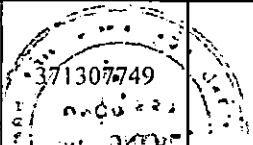
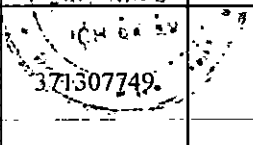
7	Lâm Thị Bích Liễu	15	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	13/12/2018	Nguyễn Thanh Hải	089088001659	1.000.000	Lâm Thị Bích Liễu 19035451045015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	351877066	
8	Tổng Thị Mỹ Xuyên	16	Trần Hào Thiên	18/11/2019	Trần Văn Phong	371326049	1.000.000	Tổng Thị Mỹ Xuyên 19036005394010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371746613	
9	Võ Thị Ngọc Lan	17	Đinh Gia Linh	02/02/2019	Đinh Văn Trí	079096008259	1.000.000	Võ Thị Ngọc Lan 19036005588011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371807758	
10	Trần Thị Ngọc Giàu	18	Trần Bảo Ngọc	11/10/2018			1.000.000	Trần Thị Ngọc Giàu 19036761084017 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	370935993	
11	Nguyễn Ngọc Ánh	20	Nguyễn Ngọc Anh Quân	24/03/2016	Nguyễn Thị Trúc Ly	221269384	1.000.000	Nguyễn Ngọc Ánh 19021230740011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371404856	
12	Trần Hoàng Sơn	22	Trần Thảo Nguyên	08/10/2015	Đặng Thị Trang	371808288	1.000.000	Trần Hoàng Sơn 19035724945014 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371808160	
13	Đặng Đăng Khoa	43	Đặng Thiên Minh	11/01/2019	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	025307668	1.000.000	Đặng Đăng Khoa 19036412471011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	24518444	

14	Nguyễn Thị Hải	54	Nguyễn Nhã Phương	27/09/2018	Nguyễn Thanh Tôt	211597349	1.000.000	Nguyễn Thị Hải 19036818099016 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371878738	
15	Nguyễn Thị Kiều	55	Đặng Nguyễn Chí Nguyên	18/10/2018	Đặng Công Phô	371648990	1.000.000	Nguyễn Thị Kiều 19035685331011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371474565	
16	Lê Quốc Mạnh	56	Lê Quốc Thịnh	15/09/2020	Phan Thủy Duy	371352223	1.000.000	Lê Quốc Mạnh 19035036742010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	363595741	
17	Đào Phương Thảo	67	Lâm Tùng Quân	27/03/2018	Lâm Trần Thanh Phong	B9490453	1.000.000	Đào Phương Thảo 19035043280014 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Hồ Chí Minh	371496444	
18	Nguyễn Quốc Việt	69	Nguyễn Gia Hung	18/05/2019	Phù Thị Quý	371020052	1.000.000	Nguyễn Quốc Việt 19035079121011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	370905740	
19	Huỳnh Thanh Kha	72	Huỳnh Đức Duy	29/06/2017	Nguyễn Thị Ánh Như	371715483	1.000.000	Huỳnh Thanh Kha 19036744389017 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371715404	
20	Nguyễn Văn Lai	73	Nguyễn Bùi Đình Tấn	28/04/2016	Bùi Bích Ngọc	371715755	1.000.000	Nguyễn Văn Lai 19036758783011 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Phú Quốc	371742210	

21	Nguyễn Thị Kim Chi	77	Bùi Tuấn Anh	07/10/2018	Bùi Tuấn Cường	026092785	1.000.000	Nguyễn Thị Kim Chi 19035152538013 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Hồ Chí Minh	301309392		
22	Trần Mỹ Trang	80	Nguyễn Bảo Ngọc	17/06/2019	Nguyễn Văn Tuy	035084000016	1.000.000	Trần Mỹ Trang 19036316854015 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Hà Thành	168073242		
23	Nguyễn Long	83	Nguyễn Long Nguyễn	17/02/2019	Ngô Thị Thủy Tiên	205522450	1.000.000	Nguyễn Long 19035284087010 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Đà Nẵng	205534824		
XXXI	CÔNG TY TNHH KHAI THÁC HẢI SẢN, CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM THANH HÀ						16.840.000				
31.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						14.840.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trương Diệu Thảo	P.HCNS	12 tháng	05/06/2021	7916343099	25/08/2021	25/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Trương Diệu Thảo, 1021029280, Ngân hàng Vietcombank TPHCM - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	075188002364	
2	Võ Anh Duy	P.HCNS	36 tháng	13/04/2021	7936103604	03/06/2021	03/06/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Võ Anh Duy, 1018319126, Vietcombank TPHCM - CN Bắc Sài Gòn	025942963	

3	Nguyễn Thị Bình	P.QLCL	36 tháng	12/10/2020	7908117422	20/08/2021	20/08/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Bình, 0531002508636, Vietcombank TPHCM, CN Bắc Sài Gòn	024727859	
4	Trương Thị Mỹ Phượng	P.KDND	36 tháng	17/04/2021	7934418995	22/08/2021	22/08/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Trương Thị Mỹ Phượng, 1015199056 Vietcombank TPHCM - CN Bắc Sài Gòn	025611860	
31.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							2.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 31.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	Trương Diệu Thảo	1	Võ Trương Trí Thiện	10/02/2018	Võ Trí Trung	261063734	1.000.000	Trương Diệu Thảo, 1021029280, Ngân hàng Vietcombank TPHCM - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	075188002364		
2	Trương Diệu Thảo	1	Võ Trương Thảo Tiên	08/02/2020	Võ Trí Trung	261063734	1.000.000	Trương Diệu Thảo, 1021029280, Ngân hàng Vietcombank TPHCM - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	075188002364		
XXXI I	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC TƯỜNG							14.275.000			
32.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							9.275.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	HUỖNH THỊ KIM HUỆ	Phòng kinh doanh	Không thời hạn	01.1.2021	9110001921	31.7.2021	31.7.2021 đến 25/8/2021	1.855.000	HUỖNH THỊ KIM HUỆ, 9080169798999, ngân hàng MB, Chi nhánh Phú Quốc	370903192	

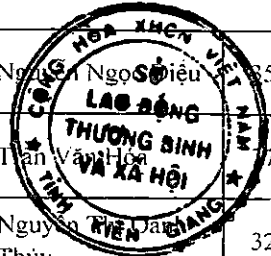
2		Phòng dự án	Không thời hạn	01.1.2021	9115011922	31.7.2021	31.7.2021 đến 25/8/2021	1.855.000	VI THỊ THU HẰNG, 160159697989, NGÂN HÀNG MB CN PHÚ QUỐC	151936322	
3	NGUYỄN PHÚC HẬU	BP giao hàng	Không thời hạn	01.1.2021	9123112736	31.7.2021	31.7.2021 đến 25/8/2021	1.855.000	HUỖNH NGỌC DUNG, 75310000422727, Ngân hàng BIDV Chi nhánh Phú Quốc	371307749	
4	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	Phòng kinh doanh	Không thời hạn	01.1.2021	9123052844	31.7.2021	31.7.2021 đến 25/8/2021	1.855.000	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI, 70068333693, Ngân hàng Sacombank, chi nhánh Phú Quốc	371951178	
5	TRẦN QUỐC TOÀN	BP giao hàng	Không thời hạn	01.1.2021	9123060849	31.7.2021	31.7.2021 đến 25/8/2021	1.855.000	TRẦN QUỐC TOÀN, 75310000307082, ngân hàng BIDV, chi nhánh Phú Quốc	371784473	
32.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							5.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 32.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD		
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	HUỖNH THỊ KIM HUÊ	1	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG THỊNH	16/09/2016	NGUYỄN VĂN TÚ	370903143	1.000.000	HUỖNH THỊ KIM HUÊ, 9080169798999, ngân hàng MB, Chi nhánh Phú Quốc	370903192		
2	VI THỊ THU HẰNG	2	TRƯƠNG THẢO VY	09/05/2018	TRƯƠNG THẾ DUY	233083079	1.000.000	VI THỊ THU HẰNG, 160159697989, NGÂN HÀNG MB CN PHÚ QUỐC	151936322		
3	NGUYỄN PHÚC HẬU	3	NGUYỄN HUỖNH HẬU HỮU	21/08/2015	HUỖNH NGỌC DUNG	352065966	1.000.000	HUỖNH NGỌC DUNG, 75310000422727, Ngân hàng BIDV Chi nhánh Phú Quốc	371307749		

4	NGUYỄN PHÚC HẬU	3	NGUYỄN HUỖNH NGỌC HUYỀN	15/06/2017	HUỖNH NGỌC DUNG	352065966	1.000.000	HUỖNH NGỌC DUNG, 75310000422727, Ngân hàng BIDV Chi nhánh Phú Quốc			
5	NGUYỄN PHÚC HẬU	3	NGUYỄN HUỖNH HẬU HIỀN	02/08/2018	HUỖNH NGỌC DUNG	352065966	1.000.000	HUỖNH NGỌC DUNG, 75310000422727, Ngân hàng BIDV Chi nhánh Phú Quốc			
XXXI II	CÔNG TY TNHH ĐÀO SIM						33.680.000				
33.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						29.680.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Dương Thị Trúc Ly	Bán hàng	Không xác định thời hạn	02/01/2020	9116010884	01/06/2021	01/06/2021 đến 31/7/2021	3.710.000	DUONG THI TRUC LY, 1011000646699, NGÂN HÀNG VIETCOMBANK	371848724	
2	Trần Thị Mỹ Viên	Bán hàng	Không xác định thời hạn	02/01/2020	9116010882	01/06/2021	01/06/2021 đến 31/7/2021	3.710.000	TRAN THI MY VIEN, 7790231000787, NGÂN HÀNG AGRIBANK	371742762	
3	Hồ Văn Trung	Văn phòng	Không xác định thời hạn	02/01/2020	9114009855	01/06/2021	01/06/2021 đến 31/7/2021	3.710.000		370916802	Nhận tiền mặt
4	Nguyễn Thị Chiến	Sản xuất	Không xác định thời hạn	02/01/2020	9116010881	01/06/2021	01/06/2021 đến 31/7/2021	3.710.000		371805447	Nhận tiền mặt
5	Trần Thị Hương	Sản xuất	Không xác định thời hạn	02/01/2020	9116010883	01/06/2021	01/06/2021 đến 31/7/2021	3.710.000		371880662	Nhận tiền mặt
6	Nguyễn Thị Hương	Sản xuất	Không xác định thời hạn	02/01/2020	9116018399	01/06/2021	01/06/2021 đến 31/7/2021	3.710.000	NGUYEN THI HUONG, 7600119819999, NGÂN HÀNG MB BANK	341947141	

34.1	Phường An Thái							432.000.000		
1	Huỳnh Kiều Diễm	380660290	Số 111, Nguyễn Trường Tộ, kp 1.	Huỳnh Diễm	Số 111, Nguyễn Trường Tộ, kp 1.	1702094265	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
2	Trần Thanh Phương	091082000551	Số 96, Nguyễn Trường Tộ.	Trần Phương	Số 79, Nguyễn Trường Tộ, kp1.	1701948034	16/7//2021 đến 08/09/2021	3.000.000	X	
3	Nguyễn Xuân Cường	230621475	Tổ 5, khu phố 3.	Hoa Mai Huyền	Số 78, Nguyễn Trường Tộ, kp1.	1702110809	19/7//2021 đến 02/09/2021	3.000.000	X	
4	Nguyễn Cảnh Em	363634183	Tổ 3, khu phố 8.	Nguyễn Cảnh Em	Khu phố 1.	1702180764	19/07/2021 đến 05/09/2021	3.000.000	X	
5	Nguyễn Huy Tài	371662788	Số 68, Nguyễn Trường Tộ, khu phố 2.	Hoa Tươi Nguyễn	Khu phố 2.	8467724100	19/7/2021 đến 06/09/2021	3.000.000	X	
6	Nguyễn Thế Anh	371336204	Tổ 4, khu phố 2.	Giới Đào	Khu phố 2.	1701975221	19/07/2021 đến 10/09/2021	3.000.000	X	
7	Bùi Thị Huệ	184262054	Tổ 6, khu phố 2.	Quán 6 Lửa	Khu phố 2.	1702167121	19/07/2021 đến 06/09/2021	3.000.000	X	
8	Nguyễn Thị Liễu	371145383	Khu phố 6.	Hoàng Vũ	Khu phố 2.	1701941617	16/6/2021 đến 30/08/2021	3.000.000	X	
9	Trần Thị Quý	190962050	Khu phố 2.	Trần Thị Quý	Tổ 6, khu phố 3.	1700079504	19/7/2021 đến 06/9/2021	3.000.000	X	
10	Đỗ Văn Tuấn	371446578	Tổ 6, khu phố 2.	Cửa hàng Hồng Tuấn	Số 59, NV Cư khu phố 3.	1701564221	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
11	Trà Thị Thùy Trang	370930420	Tổ 4, khu phố 5.	Thanh Trang	khu phố 3.	1700950217	19/7/2021 đến 10/9/2021	3.000.000	X	
12	Hoàng Phú	371571965	Tổ 6, khu phố 3.	Phú Gym	khu phố 3.	8512283612	19/7/2021 đến 10/9/2021	3.000.000	X	
13	Hồ Văn Đông	370720779	Khu phố 1, phường	Văn Đông	khu phố 3.	1700107053	19/7/2021 đến 10/9/2021	3.000.000	X	

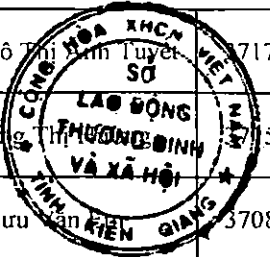
14	Đặng Thị Thanh Thủy	371784281	Tổ 3, khu phố 3.	Đặng Thị Thanh Thủy	khu phố 3.	1702004279	19/7/2021 đến 15/8/2021	3.000.000	X	
15	Lê Thị Tuyết	372141137	Tổ 4, khu phố 2.	Thanh Tuyết	khu phố 3.	1700100107	19/7/2021 đến 03/09/2021	3.000.000	X	
16	Lâm Thị Minh	370613449	Khu phố 2.	Gia Linh	khu phố 3.	1701887102	19/7/2021 đến 07/9/2021	3.000.000	X	
17	Lưu Văn Hùng	372048157	Khu phố 3.	Lưu Văn Hùng	khu phố 3.	1701886324	19/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
18	Trịnh Hoàn Thiện	371951063	Khu phố 3.	Thiện Nhân QC	khu phố 3.	8647298081	15/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
19	Lương Minh Khôi	371571939	Số 27, Nguyễn Văn Cừ, khu phố 3.	Hân Đông	khu phố 3.	1701945354	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
20	Nguyễn Anh Tài	370664573	Khu phố 1.	Anh Tài	khu phố 3.	1701905665	19/7/2021 đến 01/9/2021	3.000.000	X	
21	Lê Văn Phước	371219187	Tổ 7, khu phố 3.	Phụ Kiện Điện Thoại Phước Kiên	khu phố 3.	8324286378	19/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
22	Phạm Thị Thùy	371951836	Khu phố 6.	Thùy	khu phố 3.	1701989288	09/7/2021 đến 31/8/2021	3.000.000	X	
23	Trương Thị Mông	371272350	Tổ 3, khu phố 7.	Trương Thị Mông	khu phố 3.	84591-15088	19/7/2021 đến 15/8/2021	3.000.000	X	
24	Võ Ngọc Thúy	370840313	Số 132, Nguyễn Văn Cừ.	Điện Tử 132	khu phố 3.	8043956027	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
25	Bùi Thị Hải	031187013473	Tổ 4, khu phố 5.	Bùi Thị Hải	khu phố 3.	1702145456	19/7/2021 đến 15/8/2021	3.000.000	X	
26	Đỗ Hoàng Thanh	380310363	Tổ 1, khu phố 3.	Đỗ Hoàng Thanh	khu phố 3.	1702213868	19/7/2021 đến 15/8/2021	3.000.000	X	
27	Phạm Thị Thương	371507447	Khu phố 6.	Phạm Thị Thương	khu phố 3.	17000541239	01/7/2021 đến 31/8/2021	3.000.000	X	
28	Đoàn Thị Thúy Lài	370435576	Tổ 2, khu phố 3.	Lài	khu phố 3.	1700105320	19/7/2021 đến 20/8/2021	3.000.000	X	
29	Nguyễn Thị Huỳnh Anh	351474949	Tổ 2, khu phố 3.	Nguyễn Thị Huỳnh Anh	khu phố 3.	1701988809	19/7/2021 đến 15/8/2021	3.000.000	X	
30	Bùi Thị Minh Trúc	371009528	Khu phố 2.	Thanh Đẹp	khu phố 3.	1702048251	19/7/2021 đến 10/8/2021	3.000.000	X	
31	Nguyễn Văn Tuấn	372102857	Khu phố 3.	Nguyễn Văn Tuấn	khu phố 3.	1701285820	19/7/2021 đến 20/8/2021	3.000.000	X	
32	Huỳnh Nhật Tâm	370721884	Khu phố 6.	Huỳnh Nhật Tâm	khu phố 3.	1700946891	19/7/2021 đến 06/9/2021	3.000.000	X	

33	Võ Thị Tuyết Hoa	370120361	Số 24, phạm Ngọc Thạch,, Phủ Quốc	Cường Hoa	khu phố 3.	8252825902	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
34	Nguyễn Thị Hạnh	370520970	Tổ 1, khu phố 3.	Hạnh Hiệp	khu phố 3.	1700400171	19/7/2021 đến 15/8/2021	3.000.000	X	
35	Hồ Sỹ Nam	370767465	Số 143, Nguyễn Cừ, khu phố 8.	Hồ Sỹ Nam	khu phố 3.	1700479661	19/7/2021 đến 10/8/2021	3.000.000	X	
36	Nguyễn Công Lâm	151499911	Số 76, Nguyễn Văn Cừ, khu phố 3	Nguyễn Công Lâm	Số 76, Ng Văn Cừ, khu phố 4,.	1702158984	19/7/2021 đến 10/8/2021	3.000.000	X	
37	Trần Duy Tùng	371009661	Số 561, Nguyễn Văn Cừ, khu phố 4	Phương Tùng	Khu phố 4.	8103247740	19/07/2021 đến 03/09/2021	3.000.000	X	
38	Vương Thị Thu Hương	370721840	Số 481, Nguyễn Văn Cừ, khu phố 4	Vương Thị Thu Hương	Tổ 1, khu phố 4.	1701169158	19/07/2021 đến 06/09/2021	3.000.000	X	
39	Nguyễn Văn Quang	001091005908	Tổ 7, khu phố 4.	Quang Giang	Tổ 7, khu phố 4.	1702104629	19/7/2021 đến 09/8/2021	3.000.000	X	
40	Phạm Minh Luân	371685486	Tổ 6, khu phố 4.	Luân Phú Quốc	Tổ 7, khu phố 4.	1701996630	19/7/2021 đến 15/8/2021	3.000.000	X	
41	Huỳnh Kim Thoa	371272716	Tổ 1, khu phố 4.	Khải Nguyên	Tổ 1, khu phố 4.	1702026674	20/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
42	Lê Văn Thiện	370721999	Số 475, Nguyễn Văn Cừ, khu phố 4	Lê Thiện	Khu phố 4.	1700951147	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
43	Đinh Văn Khương	371034528	Tổ 1, khu phố 4.	Đinh Trường Vũ	Tổ 1, khu phố 4.	1700573093	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
44	Nguyễn Thị Thu Trình	371521193	Tổ 1, khu phố 4.	Sơn Trình	Tổ 1, khu phố 4.	1702192784	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
45	Nguyễn Văn Tâm	370613657	Tổ 1, khu phố 4.	Nhút Tâm	Tổ 1, khu phố 4.	8237861737	18/07/2021 đến ngày 06/9/2021	3.000.000	X	
46	Đỗ Thị Phương Hiền	371673849	Tổ 2, khu phố 4.	Đê Đệ Nhất 7	Tổ 2, khu phố 4.	8472729866	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	



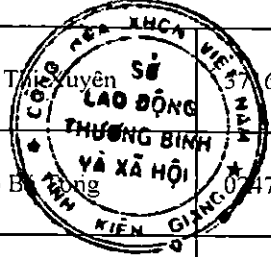
47	Ngô Ngọc Diệu	852468341	Tổ 2, khu phố 4.	Ngọc Diệu Beautycenter	Tổ 2, khu phố 4.	8512104493	14/7/2021 đến 01/9/2021	3.000.000	X	
48	Trần Văn Hòa	70999261	Tổ 2, khu phố 4.	Văn Hòa	Tổ 2, khu phố 4.	1702125523	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
49	Nguyễn Thủy	327223113	Tổ 2, khu phố 4.	Phương Vy	Tổ 2, khu phố 4.	1702082742	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
50	Trần Văn Xe	370002215	Tổ 9, khu phố 4.	Ái Si	Tổ 9, khu phố 4.	1701320345	19/7/2021 đến 06/9/2021	3.000.000	X	
51	Nguyễn Văn Tú	036088010257	Tổ 3, khu phố 4.	Doanh Tú	Tổ 3, khu phố 4.	1702209156	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
52	Nguyễn Quốc Toàn	371134312	Tổ 3, khu phố 4.	Nhật Tân	Tổ 3, khu phố 4.	1702056686	19/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
53	Hoàng Quốc Tiến	371521419	Tổ 3, khu phố 4.	Tây Tiến	Tổ 3, khu phố 4.	8320821017	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
54	Dương Khánh Băng	371009735	Tổ 3, khu phố 4.	Thiên Hữu	Tổ 3, khu phố 4.	8490081049	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
55	Nguyễn Thị Kim Chi	334459083	Tổ 3, khu phố 4.	Quảng Cáo Hưng Thịnh	Tổ 3, khu phố 4.	8006344308	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
56	Trần Thị Thực	371220876	Tổ 3, khu phố 4.	Hoa Tươi Quỳnh Trang	Tổ 3, khu phố 4.	1700928839	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
57	Phạm Công Viễn	371307900	Tổ 7, khu phố 4.	Viễn Phạm	Tổ 7, khu phố 4.	1702041168	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
58	Dương Đình Viễn	091055000233	Tổ 3, khu phố 4.	Viễn Dương	Tổ 3, khu phố 4.	8252829664	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
59	Phan Hải Châu	371617345	Tổ 3, khu phố 4.	Hồng Châu	Tổ 3, khu phố 4.	1701967407	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
60	Lê Thúy Phương	372102680	Tổ 3, khu phố 4.	Lê Thúy Phương	Tổ 3, khu phố 4.	1702211500	19/7/2021 đến 06/9/2021	3.000.000	X	
61	Bùi Hữu Chí	092089006866	Tổ 3, khu phố 4.	Cá Cảnh Quốc Trọng	Tổ 3, khu phố 4.	8105997562	19/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
62	Thị Bảy	370967819	Tổ 3, khu phố 4.	Bảy Thanh	Tổ 3, khu phố 4.	1702071571	19/7/2021 đến 06/9/2021	3.000.000	X	

63	Từ Thị Nguyệt	372032567	Tổ 3, khu phố 4.	Việt Súp	Tổ 3, khu phố 4.	8607702981	19/7/2021 đến 06/9/2021	3.000.000	X	
64	Nguyễn Thanh Thúc	371466685	Tổ 4, khu phố 4.	Thanh Thúc	Tổ 4, khu phố 4.	1702016901	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
65	Nguyễn Đình Hoạt	371648161	Tổ 4, khu phố 4.	Hoàng Đại	Tổ 4, khu phố 4.	8476273140	10/6/2021 đến 10/9/2021	3.000.000	X	
66	Phạm Văn Tạo	370930372	Tổ 7, khu phố 8.	Tạo Thành	Tổ 5, khu phố 4.	8428682288	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
67	Hà Duyên Quang	038086000790	Tổ 6, khu phố 4.	Gồm Sứ Bát Tràng	Tổ 6, khu phố 4.	8554103702	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
68	Nguyễn Thị Hằng	371701900	Tổ 6, khu phố 4.	Sửa Xe Thanh Sang	Tổ 6, khu phố 4.	1702196115	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
69	Nguyễn Văn Phương	371307869	Tổ 6, khu phố 4.	Cơ Khi Phương	Tổ 6, khu phố 4.	1702198909	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
70	Nguyễn Thị Thanh Hương	371009478	Tổ 6, khu phố 4.	Hương Nhiên	Tổ 6, khu phố 4.	1700986164	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
71	Nguyễn Thị Kim Liên	370721833	Tổ 6, khu phố 4.	Trâm	Tổ 6, khu phố 4.	8423694699	19/7/2021 đến 5/9/2021	3.000.000	X	
72	Đào Thị Phụng	042190003238	Tổ 7, khu phố 4.	Cửa Hàng Tiền Hải	Tổ 7, khu phố 4.	1702164988	19/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
73	Hồ Sĩ Khánh	370720307	Tổ 7, khu phố 4.	Cà Phê H20	Tổ 7, Khu phố 4.	307789137	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
74	Đặng Thị Lan	371617343	Tổ 7, khu phố 4.	Nghị Lan	Tổ 7, Khu phố 4.	1701985727	19/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
75	Nguyễn Hữu Hiếu	091095000464	Khu phố 8.	Xưởng Tôn Hiếu Phát	Tổ 7, Khu phố 4.	1702182592	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
76	Trần Thanh Nhiều	370166154	Tổ 8, khu phố 4.	Thanh Nhiều	Tổ 8, khu phố 4.	1701082563	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
77	Nguyễn Thị Phụng	370693012	ấp Suối Lon, xã Dương Tơ	Mỹ Phương	Tổ 9, khu phố 4.	1701914645	19/7/2021 đến 06/9/2021	3.000.000	X	
78	Nguyễn Ngọc Lễ	370613797	Tổ 3, khu phố 5.	Thảo Tâm	khu phố 5.	1700523945	19/7/2021 đến 06/9/2021	3.000.000	X	



79	Ngô Thị Lâm Tuyết Sô	371715617	Tổ 8, khu phố 3.	Tuyết Lâm	khu phố 5.	1702136589	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
80	Đặng Thị Hương Đình	371521640	Số 187, Hồ Thị Nghiêm.	Khánh Hương	khu phố 5.	1702170607	17/07/2021 đến 06/9/2021	3.000.000	X	
81	Khưu Văn Kiên	370840435	Tổ 3, khu phố 7.	Huy Đồng Tỉnh	khu phố 5.	1701929144	10/7/2021 đến 28/8/2021	3.000.000	X	
82	Nguyễn Văn Sô	370435953	Tổ 1, khu phố 5.	Huyền Diệu	khu phố 5.	1701945682	10/7/2021 đến 01/9/2021	3.000.000	X	
83	Nguyễn Thị Thanh Loan	371760263	Tổ 1, khu phố 4.	Trương Vũ 2	Số 377, Ng Văn Cừ, kp6.	8470742290	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
84	Nguyễn Quốc Ngoan	370973224	Số 339, Nguyễn Văn Cừ.	Ken Gió Biển	Số 339, Nguyễn Văn Cừ, kp6.	1702066733	14/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
85	Nguyễn Viết Cảnh	272203766	Số 337, Nguyễn Văn Cừ.	Làng Nướng Đảo Ngọc	Số 337, Ng Văn Cừ, kp6.	1702142102	19/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
86	Bùi Thị Quyên	371474865	Số 369, Nguyễn Văn Cừ.	Năm Hải	Số 369, Nguyễn Văn Cừ, kp6.	8113460563	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
87	Nguyễn Thị Huệ	370480212	Số 334, Nguyễn Văn Cừ.	Phổ Nhơ	Số 334, Nguyễn Văn Cừ, kp6.	1701351745	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
88	Vô Chí Thọ	371020544	Khu phố 6.	Tuấn Hoàng Gia	Số 332, Nguyễn Văn Cừ, kp6.	1701579098	14/6/2021 đến 5/9/2021	3.000.000	X	
89	Lê Ngọc Hương	371507120	Số 417, Nguyễn Văn Cừ.	Hà Hương	Sô 417, Ng Văn Cừ, kp6.	8040255129	19/7/2021 đến 19/8/2021	3.000.000	X	
90	Huỳnh Nguyễn Phát	091091000396	Tổ 1, khu phố 6.	Cà Phê Sân Vườn	Tổ 1, khu phố 6.,	8449662331	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
91	Nguyễn Phước Nghĩa	370916979	Tổ 3, khu phố 6.	Việt Nghĩa	Tổ 3, khu phố 6.,	8031515645	19/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
92	Dương Thị Hồng	371272902	Tổ 4, khu phố 6.	SU GARDEN COFFEE &	Tổ 4, khu phố 6.	1701395439	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	

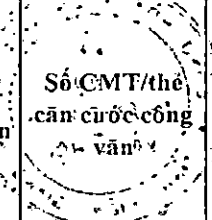
93	Nguyễn Văn Xây	371965359	Tổ 4, khu phố 6.	Anh Phụng	Tổ 4, khu phố 6.	1702104178	19/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
94	Phạm Vinh	370767541	Tổ 4, khu phố 6.	Khoa Thư	Tổ 4, khu phố 6.	1702100818	19/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
95	Cao Văn Cứu	370930281	Tổ 5, khu phố 4.	Trường Cửu	Tổ 5, khu phố 6.,	8501713912	19/7/2021 đến 5/9/2021	3.000.000	X	
96	Lê Thị Tâm Tịnh	370720343	Khu phố 6.	Thành Tịnh	Tổ 5, khu phố 6.,	1702060636	19/7/2021 đến 27/8/2021	3.000.000	X	
97	Vũ Văn Định	371404359	Tổ 5, khu phố 6.	Vĩnh Linh	Tổ 5, khu phố 6.,	1702017951	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
98	Võ Thanh Đồng	371009675	Khu phố 6.	Sửa Điện Tử Đồng	Tổ 9, khu phố 6.,	8505465587	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
99	Trần Văn Phi	281118036	Số 30/14, Nguyễn Văn Cừ, kp8	Quán Cà Phê Cây Xanh	Số 30/14, Nguyễn Văn Cừ, kp8.,	8260483610	19/7/2021 đến 15/8/2021	3.000.000	X	
100	Đỗ Thị Huyền	371307868	Tổ 6, khu phố 8.	Nhà Hàng Cây Mít Hải Sản Tươi Sống	Tổ 6, khu phố 8.,	1701917935	19/7/2021 đến 01/9/2021	3.000.000	X	
101	Lê Tấn Huy	371071620	Tổ 2, ấp Bãi nam, Hòn Thơm	Hòn Mây Rút Ngoài	Bãi Nam.	8094884363	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
102	Nguyễn Thị Ánh Hồng	370868813	Khu phố 2.	Hồng hiền	Khu phố 2.	1700523938	14/6/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
103	Nguyễn Bá Quân	111940821	số 69, Nguyễn Văn Cừ, khu phố 2	Nam Gia Hoàng	Khu phố 3.	8104139554	19/7/2021 đến 06/9/2021	3.000.000	X	
104	Lê Văn Đó	350367036	khu phố 4.	Thanh Kha	Tổ 1, khu phố 4.	1702201083	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
105	Nguyễn Lệ Thủy(Út Thủy)	371808378	khu phố 4.	Út Thủy	Tổ 1, khu phố 4.	1701989760	18/8/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
106	Trần Trí Nghi	370999034	Tổ 2, khu phố 4.	Cửa Hàng Thuận Lợi	Tổ 2, khu phố 4.	8480204196	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
107	Lê Xuân Trường	71039925	Tổ 2, khu phố 4.	RIO99	Tổ 2, khu phố 4.	8624380766	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	



108	Lê Thị Huyền	37673924	Nguyễn Văn Cừ, tổ 3, khu phố 4	Đức Linh	Tổ 2, khu phố 4.	8454823400	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
109	Võ B. Long	374745798	Tổ 2, khu phố 4.	Thùy Trinh	Tổ 2, khu phố 4.	8183472876	18/8/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
110	Nguyễn Bảo Quốc	370720432	Tổ 3, khu phố 4.	Hưng Long Nguyễn	Tổ 3, khu phố 4.	1700457587	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
111	Trần Thanh Tú	371009716	Tổ 3, khu phố 4.	Tú Sport	Tổ 3, khu phố 4.	1700872826	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
112	Trương Thị Hạnh	371440038	Tổ 3, khu phố 4.	Hạnh Mai	Tổ 3, khu phố 4.	1701987763	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
113	Phạm Văn Thuyền	36083005664	Tổ 3, khu phố 4.	Thảo Quỳnh Anh	Tổ 3, khu phố 4.	1702209149	20/7/2021 đến 06/9/2021	3.000.000	X	
114	Châu Minh Tuấn	371786233	Tổ 3, khu phố 4.	Thiên Lộc 01	Tổ 3, khu phố 4.	1702171953	19/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
115	Nguyễn Tuấn Kiệt	340986693	Tổ 3, khu phố 4.	Minh Khoa	Tổ 3, khu phố 4.	1702079073	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
116	Hà Văn Bảo	281411961	Tổ 3, khu phố 4.	Hà Văn Bảo	Tổ 3, khu phố 4.	1702099552	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
117	Mai văn Dân	38093000907	347, Nguyễn Văn Cừ, khu phố 6.	Nông Dân Quán	347B Nguyễn Văn Cừ, KP6,p..	1702176655	15/7/2021 đến 15/8/2021	3.000.000	X	
118	Nguyễn Văn Phúc	371611126	, khu phố 6.	Nguyễn Kỳ	Tổ 9, KP6	8487366358	19/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
119	Lê Ngọc Hại	370868929	Số 445, Nguyễn Văn Cừ, khu phố 5	Thảo Nguyên	Tổ 1, KP6	1702034594	13/05/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
120	Nguyễn Bích Thùy	370840322	Số 37, Phạm Ngọc Thạch, khu phố 5	Phú Hòa	Tổ 8, KP3	1700426959	14/5/2021 đến 19/8/2021	3.000.000	X	

121	Lê Hữu Nghị	370767628	72 A, Nguyễn Trường Tô khu phố 5	Lê Hữu Nghị	72A, Ng Trường Tô, KP1	1700044491	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
122	Nguyễn Thị Định	3714406693	Nguyễn Văn Cừ, Tò khu phố 5	Mon Khôi	Tò 2, KP3	8329682061	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
123	Nguyễn Đắc Phúc	371344345	Tò 1, khu phố 4	Đại Lý Vẽ Số Phương Trang	Nguyễn Văn Cừ, tò 1, KP4	8119671881	09/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
124	Trần Thị Trúc Linh	371009563	Số 194 Nguyễn Văn Cừ kp8	KoKa	194 Nguyễn Văn Cừ Tò 3. KP8	8557336254	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
125	Phùng Văn Thanh	370720635	Khu phố 6.	Cà Phê 1968	Tò 8, KP6	1702182144	15/7/2021 đến 16/9/2021	3.000.000	X	
126	Nguyễn Hữu Lợi	372071026	Khu phố 4.	Thời Trang Lộc	88 Nguyễn Trường Tô, KP1	1701974771	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
127	Đinh Công Triều	371951379	Khu phố 6.	Triều	47 Chương Dương, KP8	1701169207	15/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
128	Đỗ Minh Khoa	163280634	Tò 3, khu phố 6.	Phở Minh Khoa	Tò 3, KP6	8511680705	19/7/2021 đến 15/8/2021	3.000.000	X	
129	Nguyễn Quốc Bảo	370720568	Khu phố 6.	Quốc Bảo	Tò 3, KP6	1700557140	19/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
130	Đỗ Văn Thiêm	013425519	Số 68, Nguyễn Văn Cừ KP3	Phở Bò Trung Kiên	68 Nguyễn Văn Cừ, KP3	1702223577	19/7/2021 đến 15/8/2021	3.000.000	X	
131	Nguyễn Thị Như Ý	371611139	Khu phố 6.	Nhà Hàng Hoàng Hôn	Tò 1, KP7	1702163254	19/7/2021 đến 05/9/2021	3.000.000	X	
132	Mai Đức Lý	273139638	Tò 2, khu phố 6.	Nhà Nghĩ Lý Hùng	Tò 2, KP6	8042678095	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
133	Tiêu Thị Bích Ngọc	370613383	Số 359, Nguyễn Văn Cừ	Kim Đào	Tò 4, KP6	1702082809	28/5/2021 đến 19/9/2021	3.000.000	X	
134	Lê Phước Giàu	370393494	Tò 6, khu phố 1.	Vương Long	106 Nguyễn Trường Tô, KP1	1700479848	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
135	Ngô Thị Muối	371336352	Tò 6, khu phố 6.	Quán Sân Vườn	Tò 6, Khu phố 6	8125991079	19/7/2021 đến 5/9/2021	3.000.000	X	

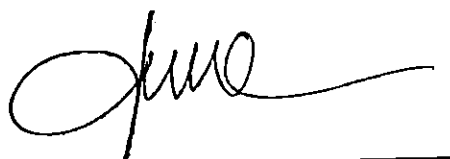
136	Phạm Hồng Đức	371617666	Khu phố 6.	Nhà Hàng Hoa Đức	Tổ 4, KP6	1700400326	15/7/2021 đến 5/9/2021	3.000.000	X	
137	Hồ Tuấn	371485085	Khu phố 6.	Tuấn Cúc	Tổ 4, KP6	1702016235	01/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
138	Nguyễn Thị Ngọc	341755489	Khu phố 3.	Sức Sống Mới	88 Nguyễn Văn Cừ, KP3	1402062784	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
139	Nguyễn Trường Sơn	370435847	Số 176, Nguyễn Văn Cừ, kp8	Sơn Trang	176 Nguyễn Văn Cừ, KP8	1701993774	19/7/2021 đến 19/8/2021	3.000.000	X	
140	Từ Quốc Linh	371987609	Số 118, Nguyễn Văn Cừ, kp3	Dương Linh	118 Nguyễn Văn Cừ, KP3	1702123501	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
141	Lê Thị Diễm	371547910	Tổ 6, khu phố 1.	Khánh Diễm	93 Nguyễn Trường Tộ, KP	1701972171	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
142	Nguyễn Thống Nhất	370613502	Tổ 6, khu phố 1.	Nhất	Tổ 6, KP1	1700524547	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
143	Hồ Thị Thu	042177001754	Tổ 4, khu phố 6.	Ban Mê	Tổ 4, KP6	1702198881	19/7/2021 đến 25/8/2021	3.000.000	X	
144	Phạm Hồng Hoa	091072000269	Tổ 3, khu phố 4.	Sang - Trọng	Tổ 3, khu phố 4.	8533382533	19/7/2021 đến 03/9/2021	3.000.000	X	
34.2	Xã Gành Dầu							6.000.000		
1	Nguyễn Thị Thanh	271923351	Tổ 1 ấp Gành Dầu	T & M TEA & COFFEE	Tổ 1 ấp Gành Dầu	8034925671	14/07/2021-10/10/2021	3.000.000	X	
2	Tăng Tấn Nhi	371941456	Tổ 4 ấp Gành Dầu	HUỲNH THẢO	Tổ 4 ấp Gành Dầu	8511202272	14/07/2021-10/10/2021	3.000.000	X	
XXXV	DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NHƯNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP (DO SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI THẨM ĐỊNH)							25.550.000		
35.1	Danh sách người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp							18.550.000		

Stt	Họ và tên	Địa chỉ nơi ở hiện tại	Tên đơn vị sử dụng lao động (trước khi chấm dứt hợp đồng lao động)	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Số điện thoại liên hệ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động (ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân 	Ghi chú
1	Nguyễn Hồng Thanh	Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang	Công ty TNHH Linh Chi	Giám sát buồng phòng	0968319819	9116009528	01/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hồng Thanh 104867962425 Vietinbank	331631749	
2	Bùi Hữu Thắng	An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang	Công ty TNHH Đầu tư Tina Nguyễn	Quản lý	0973224522	9109003310	01/08/2021	3.710.000	Bùi Hữu Thắng 20361893 Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long	371070667	
3	Trịnh Hoàng Khải	Cửa Dương, Phú Quốc, Kiên Giang	Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Vinpearl	Nhân viên phục vụ	0385022220	9123061879	01/08/2021	3.710.000	Trịnh Hoàng Khải 1015787057 Vietcombank	091201007341	
4	Lê Văn Đương	Cửa Dương, Phú Quốc, Kiên Giang	Công ty cổ phần tập đoàn Đầu tư Thái Bình Dương	Nhân viên hành lý	0932885788	9111004852	03/08/2021	3.710.000	Lê Văn Đương 036295830001 Lienvietpostbank	371977796	
5	Võ Phúc Vinh	Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang	Công ty Cổ phần Sailing Club Phú Quốc	Nhân viên pha chế	0327028054	9121822672	20/07/2021	3.710.000	Võ Phúc Vinh 101872706560 Vietinbank	371877695	
35.2	Danh sách người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em								7.000.000		
	1	2	3	4	5		6	7	8	9	10
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 35.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					

1	Nguyễn Hồng Thanh	1	Đặng Nguyễn Tiến Luật	11/10/2016	Đặng Thành Nam	371009124	1.000.000	Nguyễn Hồng Thanh 104867962425 Vietinbank	331631749	
2	Nguyễn Hồng Thanh	1	Đặng Nguyễn Thiên Kim	07/08/2019	Đặng Thành Nam	371009124	1.000.000	Nguyễn Hồng Thanh 104867962425 Vietinbank	331631749	
3	Bùi Hữu Thắng	2	Bùi Huỳnh An Nhiên	04/10/2016	Huỳnh Thị Thu Thảo	371176142	1.000.000	Bùi Hữu Thắng 20361893 Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long	371070667	
4	Bùi Hữu Thắng	2	Bùi Huỳnh Gia Hân	21/01/2019	Huỳnh Thị Thu Thảo	371176142	1.000.000	Bùi Hữu Thắng 20361893 Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long	371070667	
5	Lê Văn Đương	4	Lê Hoàng Phú	26/09/2016	Hoàng Thị Hồng	371977797	1.000.000	Lê Văn Đương 036295830001 Lienvietpost bank	371977796	
6	Lê Văn Đương	4	Lê Hoàng Phú Quý	09/02/2021	Hoàng Thị Hồng	371977797	1.000.000	Lê Văn Đương 036295830001 Lienvietpostbank	371977796	
7	Võ Phúc Vinh	5	Võ Lý Hải Đăng	14/09/2020	Lý Thị Kim Quý	371965608	1.000.000	Võ Phúc Vinh 101872706560 Vietinbank	371877695	
735	Tổng cộng (từ I đến XXXV):						2.242.645.000			

Tổng cộng: Số trường hợp được hỗ trợ: 735 Số tiền hỗ trợ: 2.242.645.000 đồng; Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng.

NGƯỜI LẬP BIỂU


Phạm Văn Tùng

Kiên Giang, ngày 10 tháng 11 năm 2021
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
GIÁM ĐỐC




Đặng Hồng Sơn